

Số TT	TT	Họ Và Tên	Năm sinh		Số CMND/Thẻ căn cước công dân	Địa chỉ, nơi cư trú	Đối tượng BTXH	Kinh phí (nghìn đồng)		Ghi chú
			Nam	Nữ				Trợ cấp xã hội	Hỗ trợ Covid-19	
3371	114	Đinh Hoài Tuyền	1955		0	Ấp 1	KTD BNCT	750	1.500	
3372	115	Đinh Thị Quang		12/19/59	271096682	ấp 6	KTD BNCT	750	1.500	
3373	116	Đinh Thị Xuyến		08/15/57	270797003	Ấp 8	KTD BNCT	750	1.500	
3374	117	Đỗ Thị Quy		1954	0	Ấp 3	KTD BNCT	750	1.500	
3375	118	Lê Thị Lớn		00/00/1938	270305627	Ấp 1	KTD BNCT	750	1.500	
3376	119	Lương Thị Nguyễn		04/08/53	271095069	ấp 8	KTD BNCT	750	1.500	
3377	120	Nguyễn Danh Gắng	01/01/50		272301828	ấp 6	KTD BNCT	750	1.500	
3378	121	Nguyễn Hoàng	05/23/60		0	Ấp 1	KTD BNCT	750	1.500	
3379	122	Nguyễn Minh Ngọc	1933		271301903	Ấp 4	KTD BNCT	750	1.500	
3380	123	Nguyễn Thị Kim Châu		01/01/58	271096588	Suối cà	KTD BNCT	750	1.500	
3381	124	Nguyễn Thị Miên		01/01/42	272950061	Ấp 8, Bàu Cạn	KTD BNCT	750	1.500	
3382	125	Nguyễn Văn Nhường	02/8/1944		270456163	Ấp 8	KTD BNCT	750	1.500	
3383	126	Phạm Ngọc Hữu	03/14/52		0	Ấp 1, Bàu Cạn	KTD BNCT	750	1.500	
3384	127	Phạm Thị Thoa		1950	0	Ấp 8	KTD BNCT	750	1.500	
3385	128	Phan Văn Cầm	03/20/34		271096843	Tổ 6, Ấp 5	KTD BNCT	750	1.500	
3386	129	Tô Văn Năm	00/00/1958		2722274340	ấp 1	KTD BNCT	750	1.500	
3387	130	Đào Văn Hưng	08/12/07			ấp 2	KTD BNCT	750	1.500	
3388	131	Huỳnh Lê Anh Tài	04/29/07			ấp 1	KTD BNCT	750	1.500	
3389	132	Lê Thanh Vy		01/06/05		Ấp 6	KTD BNCT	750	1.500	
3390	133	Lê Trọng Khang	02/08/17			Tổ 1, Ấp 5	KTD BNCT	750	1.500	
3391	134	Lưu Văn Gia Đạt	09/01/12			Ấp 2	KTD BNCT	750	1.500	
3392	135	Nguyễn Dũ Đồng	06/10/05			Ấp 1	KTD BNCT	750	1.500	
3393	136	Nguyễn Đỗ Thùy Tiên		08/26/12		Tổ 2, Ấp 2	KTD BNCT	750	1.500	
3394	137	Nguyễn Quốc Zu	09/17/09			Ấp Suối Cà	KTD BNCT	750	1.500	
3395	138	Nguyễn Thị Anh Thư		07/11/09		Ấp 7	KTD BNCT	750	1.500	
3396	139	Nguyễn Thị Ngọc Quỳnh		08/22/04		Ấp 1	KTD BNCT	750	1.500	
3397	140	Nguyễn Thùy Hoàng Anh		10/01/04		ấp 1	KTD BNCT	750	1.500	
3398	141	Nguyễn Thùy Trang		10/22/11		Ấp 6	KTD BNCT	750	1.500	
3399	142	Nguyễn Văn Hoàng	06/21/08			Suối cà	KTD BNCT	750	1.500	
3400	143	Phạm Hồng Ánh		07/09/04		ấp 2	KTD BNCT	750	1.500	
3401	144	Phan Lưu Gia Bảo	07/18/11			Ấp 4	KTD BNCT	750	1.500	
3402	145	Trần Đoàn Đức Bảo	06/11/07			Ấp 1	KTD BNCT	750	1.500	
3403	146	Trần Nguyễn Thảo Nhi		03/21/15		Ấp 7	KTD BNCT	750	1.500	

Số TT	TT	Họ Và Tên	Năm sinh		Số CMND/Thẻ căn cước công dân	Địa chỉ, nơi cư trú	Đối tượng BTXH	Kinh phí (nghìn đồng)		Ghi chú
			Nam	Nữ				Trợ cấp xã hội	Hỗ trợ Covid-19	
3404	147	Võ Nguyên Giáp	03/28/09			Áp 7	KTĐBNTTE	750	1.500	
3405	148	Cổ Văn Sáu	01/01/38		272101733	Áp 5, Bàu Cạn	CT	300	1.500	
3406	149	Dương Thị Đề		01/01/26	090317726	Suối Cà	CT	300	1.500	
3407	150	Đào Thị Bảo		01/01/1936	270301955	Áp 4	CT	300	1.500	
3408	151	Đào Thị Phẩm		05/02/1937	270272856	Áp 8	CT	300	1.500	
3409	152	Đào Thị Thuộc		00/00/1935	270248045	Tổ 8, ấp Suối Cà	CT	300	1.500	
3410	153	Đặng Bé	02/12/35		272181361	Tổ 2, Ấp 3	CT	300	1.500	
3411	154	Đặng Lang Yên	01/01/1936		270632847	Áp 6	CT	300	1.500	
3412	155	Đặng Thị Em		02/18/28	270309269	ấp 4	CT	300	1.500	
3413	156	Đặng Thị Mừng		1932	272225601	Áp 8	CT	300	1.500	
3414	157	Đặng Thị Xuân		01/01/38	272728663	Áp 1, Bàu Cạn	CT	300	1.500	
3415	158	Đặng Văn Khiết	01/30/39		271543535	Áp 1	CT	300	1.500	
3416	159	Đặng Văn Trọng	00/00/1935		270287130	Tổ 5, Ấp 8	CT	300	1.500	
3417	160	Đoàn Thị Xe		1914	0		CT	300	1.500	
3418	161	Đoàn Văn Thái	01/01/31		271095119	ấp 8	CT	300	1.500	
3419	162	Đỗ Ngọc Danh	01/01/38		0	Áp Suối Trầu 2	CT	300	1.500	
3420	163	Đỗ Thế Mẫn	1923		272770817	ấp 7	CT	300	1.500	
3421	164	Đỗ Thị Linh		01/01/27	270846596	ấp 5	CT	300	1.500	
3422	165	Giang Thị Hải		01/01/37	272181148	Áp 2	CT	300	1.500	
3423	166	Hà Thị Hai		01/01/34	270330335	Áp 7	CT	300	1.500	
3424	167	Hà Thị Sinh		09/04/29	0	ấp 7	CT	300	1.500	
3425	168	Hoàng Chịnh	01/01/31		0	ấp 3	CT	300	1.500	
3426	169	Hoàng Thị Chính		01/01/38	272086909	Áp 7, Bàu Cạn	CT	300	1.500	
3427	170	Hoàng Thị Lây		15/01/1929	272629604	Áp 2	CT	300	1.500	
3428	171	Hoàng Thị Phương		01/01/10	272009518	ấp 2	CT	300	1.500	
3429	172	Hồ Thị Diệu Quyển		00/00/1935	270301836	Tổ 1, Ấp 5	CT	300	1.500	
3430	173	Hồ Thị Nhan		1932	270238916	Áp 6	CT	300	1.500	
3431	174	Hồ Thị Tứ		01/01/38	270248360	Áp 1	CT	300	1.500	
3432	175	Huyền Tôn Nữ Thị Dung		10/12/37	270307175	Áp 6	CT	300	1.500	
3433	176	Huỳnh Minh Chánh	03/03/33		300144146	Áp 6	CT	300	1.500	
3434	177	Huỳnh Thị Đặng		01/01/1937	271096535	Áp 7	CT	300	1.500	
3435	178	Huỳnh Thị Kim Liên		02/15/40		Áp 1, Bàu Cạn	CT	300	1.500	
3436	179	Huỳnh Thị Tùng		01/01/34	272209086	Áp 2	CT	300	1.500	

Số TT	TT	Họ Và Tên	Năm sinh		Số CMND/Thẻ căn cước công dân	Địa chỉ, nơi cư trú	Đối tượng BTXH	Kinh phí (nghìn đồng)		Ghi chú
			Nam	Nữ				Trợ cấp xã hội	Hỗ trợ Covid-19	
3437	180	Lại Thị Tèo		01/01/34	120657833	Tổ 2, Ấp 6	CT	300	1.500	
3438	181	Lăng Thị Phán		09/01/1937	270272736	Ấp 8	CT	300	1.500	
3439	182	Lâm Thị Giừ		01/01/38	270263756	Ấp 4, Bàu Cạn	CT	300	1.500	
3440	183	Lê Quang Thọ	01/01/1936		272435868	Ấp 6	CT	300	1.500	
3441	184	Lê Sang	01/01/39		270632962	Ấp 5	CT	300	1.500	
3442	185	Lê Sĩ Thạc	01/01/1936		272567201	Ấp 3	CT	300	1.500	
3443	186	Lê Thị Đào		03/07/30	272800078	Ấp 2	CT	300	1.500	
3444	187	Lê Thị Hai		01/01/34	250469648	Tổ 2, Ấp 2	CT	300	1.500	
3445	188	Lê Thị Hương		09/10/35	272195133	Ấp 4	CT	300	1.500	
3446	189	Lê Thị Hương		00/00/1935	270301858	Tổ 1, Ấp 4	CT	300	1.500	
3447	190	Lê Thị Hương		06/20/39	272009518	Ấp 2	CT	300	1.500	
3448	191	Lê Thị Kim Lan		1930	272021336	Ấp 2	CT	300	1.500	
3449	192	Lê Thị Khiêm		1933	172514374	Ấp 5	CT	300	1.500	
3450	193	Lê Thị Liên		01/01/1936	140169943	Ấp Suối Cà	CT	300	1.500	
3451	194	Lê Thị Mận		03/02/32	272522276	Ấp 2	CT	300	1.500	
3452	195	Lê Thị Náu		01/01/31	190799033	Ấp 2	CT	300	1.500	
3453	196	Lê Thị Trang		01/01/34	272027995	Tổ 3, Ấp 5	CT	300	1.500	
3454	197	Lê Thị Út		01/10/39	270309238	Ấp 5	CT	300	1.500	
3455	198	Lê Văn Mừng	01/01/39		0	Ấp 5	CT	300	1.500	
3456	199	Lê Văn Nhon	01/01/1937		270309372	Ấp 2	CT	300	1.500	
3457	200	Lương A Sắt	10/04/33		272181268	Ấp 1	CT	300	1.500	
3458	201	Lương Văn Ế	02/05/28		270305816	Ấp 7	CT	300	1.500	
3459	202	Lưu Thị Hồng		01/01/40	0	Suối Cà, Bàu Cạn	CT	300	1.500	
3460	203	Ngô Thị Châu		01/01/34		Ấp 5	CT	300	1.500	
3461	204	Ngô Thị Hồng		00/00/1935	272226877	Tổ 3, Suối Cà	CT	300	1.500	
3462	205	Ngô Thị Mão		01/01/34	272195156	Tổ 9, Ấp 8	CT	300	1.500	
3463	206	Ngô Thị Thơm		10/26/35	272119893	Ấp 4	CT	300	1.500	
3464	207	Ngô Văn Năm	1933		270301827	Ấp 8	CT	300	1.500	
3465	208	Nguyễn Bá	01/01/1937		271096097	Ấp 7	CT	300	1.500	
3466	209	Nguyễn Chiêu.	01/01/27		270282075	Ấp 1	CT	300	1.500	
3467	210	Nguyễn Chụp	01/11/40		270305839	Ấp 6, Bàu Cạn	CT	300	1.500	
3468	211	Nguyễn Đình Lang	08/15/37			Ấp 8, Bàu Cạn	CT	300	1.500	
3469	212	Nguyễn Đình Viết	01/01/1936		270358277	Ấp Suối Cà	CT	300	1.500	

Số TT	TT	Họ Và Tên	Năm sinh		Số CMND/Thẻ căn cước công dân	Địa chỉ, nơi cư trú	Đối tượng BTXH	Kinh phí (nghìn đồng)		Ghi chú
			Nam	Nữ				Trợ cấp xã hội	Hỗ trợ Covid-19	
3470	213	Nguyễn Đỗ Mai	01/01/34		271697412	Áp 7	CT	300	1.500	
3471	214	Nguyễn Đức Chánh	06/08/38		270279425	Áp 2, Bàu Cạn	CT	300	1.500	
3472	215	Nguyễn Đức Dục	11/01/32		270863041	Áp 5	CT	300	1.500	
3473	216	Nguyễn Huy Kiêm	01/01/34		272195073	Tổ 5, Áp 7	CT	300	1.500	
3474	217	Nguyễn Nhân	03/03/39		272541157	Áp 7	CT	300	1.500	
3475	218	Nguyễn Phú Chỉ	05/16/34		272195161	Tổ 1, Áp 1	CT	300	1.500	
3476	219	Nguyễn Thị Bãi		1920	270305919		CT	300	1.500	
3477	220	Nguyễn Thị Bấy		01/01/1937	270280559	Áp 7	CT	300	1.500	
3478	221	Nguyễn Thị Bình		07/06/30	270555088	ấp 1	CT	300	1.500	
3479	222	Nguyễn Thị Chon		01/01/1937	272415627	Áp 5	CT	300	1.500	
3480	223	Nguyễn Thị Do		20/5/1937	272027989	Áp Suối cà	CT	300	1.500	
3481	224	Nguyễn Thị Don		03/04/34	270687675	Tổ 2, Áp 5	CT	300	1.500	
3482	225	Nguyễn Thị Dữ		01/01/40	272706946	Áp 6, Bàu Cạn	CT	300	1.500	
3483	226	Nguyễn Thị Đức Trà		01/01/31		ấp 5	CT	300	1.500	
3484	227	Nguyễn Thị Đượm		00/00/1935	270371782	Tổ 7, Áp 8	CT	300	1.500	
3485	228	Nguyễn Thị Giới		01/01/26	0	ấp 2	CT	300	1.500	
3486	229	Nguyễn Thị Hòa		03/25/31	272656468	ấp 4	CT	300	1.500	
3487	230	Nguyễn Thị Huỳnh		09/13/37	270301917	Áp 6, Bàu Cạn	CT	300	1.500	
3488	231	Nguyễn Thị Hương		07/15/34	270301721	Áp 2	CT	300	1.500	
3489	232	Nguyễn Thị Kim Hoa		05/01/35	0	Tổ 4, Áp 7	CT	300	1.500	
3490	233	Nguyễn Thị Khánh		04/01/38	271736102	Áp 5, Bàu Cạn	CT	300	1.500	
3491	234	Nguyễn Thị Khương		07/9/1936	270309090	Áp 5	CT	300	1.500	
3492	235	Nguyễn Thị Lai		01/01/33	272800731	Áp 4	CT	300	1.500	
3493	236	Nguyễn Thị Lan		01/01/39	270301796	Áp 2	CT	300	1.500	
3494	237	Nguyễn Thị Lâm		01/01/40	270301780	Áp 2, Bàu Cạn	CT	300	1.500	
3495	238	Nguyễn Thị Liễu		01/01/40	0	Suối Cà, Bàu Cạn	CT	300	1.500	
3496	239	Nguyễn Thị Loan		13/5/1937		Áp 2	CT	300	1.500	
3497	240	Nguyễn Thị Lộc		09/14/37	272015517	Áp 7, Bàu Cạn	CT	300	1.500	
3498	241	Nguyễn Thị Lưỡng		01/01/38	270280448	Áp 2, Bàu Cạn	CT	300	1.500	
3499	242	Nguyễn Thị Mạn		01/01/30	272629213	ấp 7	CT	300	1.500	
3500	243	Nguyễn Thị Mây		1925	0	ấp 2	CT	300	1.500	
3501	244	Nguyễn Thị Mến		08/18/34	0	Áp 7	CT	300	1.500	
3502	245	Nguyễn Thị Minh Châu		00/00/1935	160329636	Tổ 1, Áp 1	CT	300	1.500	

Số TT	TT	Họ Và Tên	Năm sinh		Số CMND/Thẻ căn cước công dân	Địa chỉ, nơi cư trú	Đối tượng BTXH	Kinh phí (nghìn đồng)		Ghi chú
			Nam	Nữ				Trợ cấp xã hội	Hỗ trợ Covid-19	
3503	246	Nguyễn Thị Năm		01/01/1937	270305830	Ấp 5	CT	300	1.500	
3504	247	Nguyễn Thị Ngọt		00/00/1931	271942142	Ấp 5	CT	300	1.500	
3505	248	Nguyễn Thị Ngọt		01/01/33	270288025	Suối Cà	CT	300	1.500	
3506	249	Nguyễn Thị Nhi		01/01/30	120657825	Ấp 6	CT	300	1.500	
3507	250	Nguyễn Thị Nhiều		1932	270301107	Ấp 7	CT	300	1.500	
3508	251	Nguyễn Thị Như		01/01/28	270287373	Ấp 6	CT	300	1.500	
3509	252	Nguyễn Thị Pha		01/01/27	272202755	Ấp 7	CT	300	1.500	
3510	253	Nguyễn Thị Phương		01/01/40	120634348	Ấp 2, Bàu Cạn	CT	300	1.500	
3511	254	Nguyễn Thị Quy		00/00/1930		Ấp 1	CT	300	1.500	
3512	255	Nguyễn Thị Quy		01/01/34	270675040	Tổ 5, Ấp 1	CT	300	1.500	
3513	256	Nguyễn Thị Sáu		01/01/1936	270305476	Ấp 6	CT	300	1.500	
3514	257	Nguyễn Thị Sáu		01/01/39	120657902	Ấp 7	CT	300	1.500	
3515	258	Nguyễn Thị Sen		01/01/34	270280655	Tổ 6, Ấp 6	CT	300	1.500	
3516	259	Nguyễn Thị Tốt		00/00/1930	0	Ấp 8	CT	300	1.500	
3517	260	Nguyễn Thị Tới		10/20/30	2722274698	Ấp 6	CT	300	1.500	
3518	261	Nguyễn Thị Tứ		01/01/34	270305742	Tổ 2, Ấp 4	CT	300	1.500	
3519	262	Nguyễn Thị Tựa		01/01/1936	272514256	Ấp 6	CT	300	1.500	
3520	263	Nguyễn Thị Thanh Xuân		19/7/1936	270307280	Ấp 5	CT	300	1.500	
3521	264	Nguyễn Thị Thắng		01/01/34	272741986	Ấp 7	CT	300	1.500	
3522	265	Nguyễn Thị Théo		01/01/28	270280573	Ấp 5	CT	300	1.500	
3523	266	Nguyễn Thị Thom		1921	272195071	Ấp 6	CT	300	1.500	
3524	267	Nguyễn Thị Thùng		01/01/27	0	Ấp 5	CT	300	1.500	
3525	268	Nguyễn Thị Vừ		1928	271095448	Ấp 6	CT	300	1.500	
3526	269	Nguyễn Thị Vỹ		01/01/1937	020082507	Ấp 5	CT	300	1.500	
3527	270	Nguyễn Thị Xê		10/19/37	271908980	Ấp 6	CT	300	1.500	
3528	271	Nguyễn Thị Xuân		01/01/39	272180360	Ấp 6	CT	300	1.500	
3529	272	Nguyễn Thị Xuyến		00/00/1935	270307057	Tổ 2, Ấp 4	CT	300	1.500	
3530	273	Nguyễn Thị Xuyến		02/9/1936	272202794	Ấp 5	CT	300	1.500	
3531	274	Nguyễn Thị Yên		1932	271096844	Ấp 7	CT	300	1.500	
3532	275	Nguyễn Thị Yêng		01/20/38	271096564	Ấp 3, Bàu Cạn	CT	300	1.500	
3533	276	Nguyễn Trung Thành		01/01/38	272181411	Ấp 6, Bàu Cạn	CT	300	1.500	
3534	277	Nguyễn Văn Bột		01/01/1937	272113313	Ấp 8	CT	300	1.500	
3535	278	Nguyễn Văn Cá		01/01/1937	270280331	Ấp 6	CT	300	1.500	

Số TT	TT	Họ Và Tên	Năm sinh		Số CMND/Thẻ căn cước công dân	Địa chỉ, nơi cư trú	Đối tượng BTXH	Kinh phí (nghìn đồng)		Ghi chú
			Nam	Nữ				Trợ cấp xã hội	Hỗ trợ Covid-19	
3536	279	Nguyễn Văn Cùa	1915		270307236		CT	300	1.500	
3537	280	Nguyễn Văn Đệ	01/01/38		0	Suối Cà, Bàu Cạn	CT	300	1.500	
3538	281	Nguyễn Văn Hiền	08/10/1928		272930514	Ấp 6	CT	300	1.500	
3539	282	Nguyễn Văn Hòa	01/01/29		270632952	ấp 5	CT	300	1.500	
3540	283	Nguyễn Văn Hoạt	05/10/39		270248414	Suối Cà	CT	300	1.500	
3541	284	Nguyễn Văn Liên	01/01/30		272195374	ấp 7	CT	300	1.500	
3542	285	Nguyễn Văn Quý	01/01/39		270309095	Ấp 7	CT	300	1.500	
3543	286	Nguyễn Văn Tiểu	1933		270280656	Ấp 1	CT	300	1.500	
3544	287	Nguyễn Văn Thế	03/02/36		270305400	Ấp 7	CT	300	1.500	
3545	288	Nguyễn Văn Thiết	04/02/38		270495555	Ấp 2, Bàu Cạn	CT	300	1.500	
3546	289	Nguyễn Văn Trạch	02/10/35		271096310	Ấp 4	CT	300	1.500	
3547	290	Nguyễn Văn Xuân	01/01/34		270301688	Tổ 9, Ấp 8	CT	300	1.500	
3548	291	Phạm Chín	01/01/40		271096103	Ấp 7, Bàu Cạn	CT	300	1.500	
3549	292	Phạm Danh	01/01/38			Ấp 1, Bàu Cạn	CT	300	1.500	
3550	293	Phạm Quốc Lành	12/12/37		272301884	ấp 1, Bàu Cạn	CT	300	1.500	
3551	294	Phạm Sum	01/12/32		272181051	Ấp 5	CT	300	1.500	
3552	295	Phạm Thị Ba		1931	272195072	Ấp 7	CT	300	1.500	
3553	296	Phạm Thị Chín		1933	0	Ấp 1	CT	300	1.500	
3554	297	Phạm Thị Kiên		06/19/31	270248361	Ấp 5	CT	300	1.500	
3555	298	Phạm Thị Lân		01/01/28	270309135	ấp 5	CT	300	1.500	
3556	299	Phạm Thị Lối		01/01/1937	0	Ấp Suối Cà	CT	300	1.500	
3557	300	Phạm Thị Sen		01/01/1937	272195480	Ấp 8	CT	300	1.500	
3558	301	Phạm Thị Tứ		01/05/30	0	ấp 2	CT	300	1.500	
3559	302	Phạm Thị Tha		08/14/39	272416803	Ấp 3	CT	300	1.500	
3560	303	Phạm Thị Xảo		01/01/1937	0	Ấp 3	CT	300	1.500	
3561	304	Phạm Văn Bé	06/01/26		272181382	ấp 5	CT	300	1.500	
3562	305	Phạm Văn Sỹ	1933		270309235	Ấp 5	CT	300	1.500	
3563	306	Phạm Văn Thiệu	1932		270309141	Ấp 8	CT	300	1.500	
3564	307	Phan Thị Đờ		03/10/40	272195484	Ấp 8, Bàu Cạn	CT	300	1.500	
3565	308	Phan Thị Huyền		01/01/28		ấp 2	CT	300	1.500	
3566	309	Phan Thị Lý		08/30/32	0	Ấp 1	CT	300	1.500	
3567	310	Tiền Văn Quới	01/01/30		180464621	ấp 6	CT	300	1.500	
3568	311	Thân Thị Thay		01/01/40	0	Ấp 7, Bàu Cạn	CT	300	1.500	

Số TT	TT	Họ Và Tên	Năm sinh		Số CMND/Thẻ căn cước công dân	Địa chỉ, nơi cư trú	Đối tượng BTXH	Kinh phí (nghìn đồng)		Ghi chú
			Nam	Nữ				Trợ cấp xã hội	Hỗ trợ Covid-19	
3569	312	Trần Thị Bảy	1936			Ấp 8	CT	300	1.500	
3570	313	Trần Thị Cừ		01/01/39	270541347	Ấp 2	CT	300	1.500	
3571	314	Trần Thị Chí		01/01/38	272706617	Ấp 6, Bàu Cạn	CT	300	1.500	
3572	315	Trần Thị Hiền		1932	270632914	Ấp 7	CT	300	1.500	
3573	316	Trần Thị Hình		02/01/40	271094800	Ấp 5, Bàu Cạn	CT	300	1.500	
3574	317	Trần Thị Lan		1933		Ấp 8	CT	300	1.500	
3575	318	Trần Thị Liêm		01/01/30	272195498	Ấp 7	CT	300	1.500	
3576	319	Trần Thị Màng		07/10/35	272629815	Ấp 4	CT	300	1.500	
3577	320	Trần Thị Mơ		1921	270301778		CT	300	1.500	
3578	321	Trần Thị Non		01/01/1937	160463196	Ấp 6	CT	300	1.500	
3579	322	Trần Thị Nhân		00/00/1925	271095322	Ấp 7	CT	300	1.500	
3580	323	Trần Thị Nhung		07/15/30	0	Ấp 7	CT	300	1.500	
3581	324	Trần Thị Thưa		10/25/32	0	Ấp 2	CT	300	1.500	
3582	325	Trần Văn Hưng	03/02/36		272514381	Ấp 4	CT	300	1.500	
3583	326	Trịnh Rô	1932		0	Ấp 4	CT	300	1.500	
3584	327	Trương Hoài Thanh	01/02/35		272209606	Tổ 4, Ấp 7	CT	300	1.500	
3585	328	Trương Thị Hiền		11/23/37	271237315	Ấp 8, Bàu Cạn	CT	300	1.500	
3586	329	Văn Thị Quy		09/08/32	270272845	Ấp 4	CT	300	1.500	
3587	330	Võ Đức Đăng	05/12/27		270301909	Ấp 7	CT	300	1.500	
3588	331	Võ Tuy	02/12/40		272209139	Ấp 3, Bàu Cạn	CT	300	1.500	
3589	332	Võ Thị Thảo		01/01/1937		Ấp 5	CT	300	1.500	
3590	333	Võ Văn Khai	10/19/36		270309365	Ấp 4	CT	300	1.500	
3591	334	Vũ Thị Nụ		01/01/40	270305855	Ấp 8, Bàu Cạn	CT	300	1.500	
3592	335	Vũ Thị Trúc		02/03/36		Ấp 7	CT	300	1.500	
		XÃ TÂN HIỆP						300	1.500	
3593	1	Nguyễn Quốc Cường	12/01/03		271214339	Khu Láng Dế	TEM C	450	604.900	
3594	2	Bùi Thị Thắm		01/01/50		Ấp 4	GCD<80T	450	1.500	
3595	3	Chu Thị Vân		08/02/51	270254695	Ấp 4	GCD<80T	450	1.500	
3596	4	Đỗ Hữu Ninh	08/13/57		270259368	Ấp 1	GCD<80T	450	1.500	
3597	5	Nguyễn Thị Liên		10/25/55		Ấp 4	GCD<80T	450	1.500	
3598	6	Nguyễn Thị Lý		06/27/44	270252363	Ấp 1	GCD<80T	450	1.500	
3599	7	Bùi Kim Sơn	01/01/68		272514517	22 tổ 4, Ấp 5	GCD<80T	450	1.500	
3600	8	Bùi Văn Tâm	12/21/76			Ấp 3	KTN	450	1.500	

Số TT	TT	Họ Và Tên	Năm sinh		Số CMND/Thẻ căn cước công dân	Địa chỉ, nơi cư trú	Đối tượng BTXH	Kinh phí (nghìn đồng)		Ghi chú
			Nam	Nữ				Trợ cấp xã hội	Hỗ trợ Covid-19	
3601	9	Cái Mỹ Giaoan	03/12/63			Áp 6	KTN	450	1.500	
3602	10	Đặng Thị Tuyết Nhung		02/10/83	272383939	Áp 1	KTN	450	1.500	
3603	11	Đinh Phú Mỹ	01/01/89		272301964	Áp 2	KTN	450	1.500	
3604	12	Đinh Phú Thành	07/01/86		271649344	Áp 2	KTN	450	1.500	
3605	13	Đinh Thị Hoài Thương		11/14/99		ấp3, xã Tân Hiệp	KTN	450	1.500	
3606	14	Đoàn Ngọc Chính	01/02/68		271197707	Áp 1	KTN	450	1.500	
3607	15	Đoàn Thị Xí		11/11/82	272351619	94/1 Tổ 4, Áp 2	KTN	450	1.500	
3608	16	Đỗ Thị Tuyết		08/20/94	272351187	Áp 2	KTN	450	1.500	
3609	17	Đỗ Trung Quân	06/27/95			ấp 6	KTN	450	1.500	
3610	18	Hoàng T. Minh Trang		08/18/94	270251533	ấp 2	KTN	450	1.500	
3611	19	Huỳnh Thị Đào		08/10/89	272043455		KTN	450	1.500	
3612	20	Huỳnh Thu Thảo		02/07/89	201598587	Áp 6	KTN	450	1.500	
3613	21	Lê Bá Hoa	01/16/68		270862305	Áp 5	KTN	450	1.500	
3614	22	Lê Đức Nghĩa	04/11/98		272741385	Áp 3	KTN	450	1.500	
3615	23	Lê Minh Tú	12/10/85		271643952	E70 áp 2	KTN	450	1.500	
3616	24	Lê Phú Thuận	10/01/86			Áp 6	KTN	450	1.500	
3617	25	Lê Quang Khải	06/22/95		272629624	Áp 6	KTN	450	1.500	
3618	26	Lê Trần Hà	11/15/64		270259635	Áp 2	KTN	450	1.500	
3619	27	Lưu Tấn Tài	24/11/1968		270862227	Áp 6	KTN	450	1.500	
3620	28	Ng. Thị Bích Nhiên		22/7/1973	272301942	ấp 5	KTN	450	1.500	
3621	29	Ng. Thị Hồng Nhung		07/13/02		Áp 6	KTN	450	1.500	
3622	30	Ng. Thị Thu Nguyệt		06/14/80	271697616	Áp 1	KTN	450	1.500	
3623	31	Ngô Văn Hiến	08/08/68		272225814	Áp 1	KTN	450	1.500	
3624	32	Nguyễn Anh Chương	09/22/83		271649226	Áp 4	KTN	450	1.500	
3625	33	Nguyễn Hữu Tuấn	04/18/82			Áp 6	KTN	450	1.500	
3626	34	Nguyễn Mạnh Hùng	11/10/66		271183252	J60, Áp 4	KTN	450	1.500	
3627	35	Nguyễn Thanh Hải	1965		270632155	Áp 6	KTN	450	1.500	
3628	36	Nguyễn Thanh Việt	12/02/78			Áp 3	KTN	450	1.500	
3629	37	Nguyễn Thị Bích Thùy		08/08/67		Áp 4	KTN	450	1.500	
3630	38	Nguyễn Thị Lệ		05/05/78	271560300	Áp 6	KTN	450	1.500	
3631	39	Nguyễn Thị Ngọc Nga		11/05/68	270862239	Áp 6, Tân Hiệp	KTN	450	1.500	
3632	40	Nguyễn Thị Tuyết		10/10/60		ấp 2	KTN	450	1.500	
3633	41	Nguyễn Thị Thu Hồng		12/25/89	272062813	Áp 3	KTN	450	1.500	

Số TT	TT	Họ và Tên	Năm sinh		Số CMND/Thẻ căn cước công dân	Địa chỉ, nơi cư trú	Đối tượng BHYT	Kinh phí (nghìn đồng)		Ghi chú
			Nam	Nữ				Trợ cấp xã hội	Hỗ trợ Covid-19	
3634	42	Nguyễn Trọng Duy	05/29/65		270632148	Ấp 6	KTN	450	1.500	
3635	43	Nguyễn Văn Dũng	07/20/69		270862144	C25 tổ 10, Ấp 6	KTN	450	1.500	
3636	44	Nguyễn Văn Hậu	09/24/90		272179933	Ấp 2, Tân Hiệp	KTN	450	1.500	
3637	45	Nguyễn Văn Phi	01/01/69		272021355	Ấp 3	KTN	450	1.500	
3638	46	Nguyễn Văn Quan	07/10/60		270862278	Ấp 5	KTN	450	1.500	
3639	47	Nguyễn Văn Thành	01/01/73				KTN	450	1.500	
3640	48	Nguyễn Văn Thề	01/01/75			Ấp 6	KTN	450	1.500	
3641	49	Phạm Cao Đăng	11/16/73		272078807	Ấp 3	KTN	450	1.500	
3642	50	Phạm Ngọc Bích	03/06/71		271011988	G54, Ấp 4, xã Tân Hiệp	KTN	450	1.500	
3643	51	Phạm Quang Quít	03/01/63			Ấp 6	KTN	450	1.500	
3644	52	Phạm Thị Hồng		01/01/61	272514423	Ấp 5	KTN	450	1.500	
3645	53	Phạm Văn Lợi	07/25/77			Ấp 2	KTN	450	1.500	
3646	54	Phan Anh	10/23/69			Ấp 1	KTN	450	1.500	
3647	55	Phan Quốc Thiệu	03/21/72		285045149	Ấp 5	KTN	450	1.500	
3648	56	Trần Bắc Mùi	01/01/73			Ấp 6	KTN	450	1.500	
3649	57	Trần Hoàng Tuấn	07/16/62			Ấp 6	KTN	450	1.500	
3650	58	Trần Minh Đức	1979			Ấp 3	KTN	450	1.500	
3651	59	Trần Quang Trung	1962		272541166	Ấp 4	KTN	450	1.500	
3652	60	Trần Thị Hằng		02/05/78		Ấp 3	KTN	450	1.500	
3653	61	Trần Thị Thanh Thảo		01/01/70	270254401	Ấp 3	KTN	450	1.500	
3654	62	Trần Văn Nhứt	12/15/69		270862351	Tổ 5, Ấp 5	KTN	450	1.500	
3655	63	Trương Thị Thùy Lan		00/00/1981		Ấp 1	KTN	450	1.500	
3656	64	Võ Hồng Minh	00/00/1985		271643772	Ấp 1	KTN	450	1.500	
3657	65	Võ Ngọc Trí	07/05/86		271779876	Ấp 1	KTN	450	1.500	
3658	66	Vũ Đình Khoa	1987			Ấp 4	KTN	450	1.500	
3659	67	Cao Văn Minh	12/22/46		272435818	Ấp 5	KTNCT	600	1.500	
3660	68	Chèng Xứng	1948		271324719	Ấp 5	KTNCT	600	1.500	
3661	69	Dương Thị Bích Hải		06/24/55	270254177	Ấp 3	KTNCT	600	1.500	
3662	70	Đoàn Văn Hai	10/10/48		270862383	Ấp 5	KTNCT	600	1.500	
3663	71	Hoàng Đào	01/01/38		272259555	18 Ấp 1	KTNCT	600	1.500	
3664	72	Hoàng Tuệ	01/01/43		270259833	Ấp 6	KTNCT	600	1.500	
3665	73	Hồ Tôn	03/04/45		272592210	247 ấp 3	KTNCT	600	1.500	

Số TT	TT	Họ Và Tên	Năm sinh		Số CMND/Thẻ căn cước công dân	Địa chỉ, nơi cư trú	Đối tượng BTXH	Kinh phí (nghìn đồng)		Ghi chú
			Nam	Nữ				Trợ cấp xã hội	Hỗ trợ Covid-19	
3666	74	Huỳnh Thị Chính		1940	272435820	Áp 5	KTNCT	600	1.500	
3667	75	Huỳnh Thị Em		01/01/1937	270252232	áp 2	KTNCT	600	1.500	
3668	76	Huỳnh Thị Ngọc		1948	272540051	Áp 5	KTNCT	600	1.500	
3669	77	Huỳnh Thị Viên		01/01/44	280348853	Tổ 1, Áp 5	KTNCT	600	1.500	
3670	78	La Văn Thuận	01/01/41		271324731	Áp 5	KTNCT	600	1.500	
3671	79	Lê Minh Nguyệt	01/01/55		272415773	Áp 5	KTNCT	600	1.500	
3672	80	Lê Thị Đình		06/06/45	270862398	Áp 5	KTNCT	600	1.500	
3673	81	Lê Thị Lợi		02/15/42		Áp 5	KTNCT	600	1.500	
3674	82	Lê Thị Mười		01/01/45	270862384	Áp 5	KTNCT	600	1.500	
3675	83	Lê Thị Xê		1945	272435821	Áp 5	KTNCT	600	1.500	
3676	84	Lê Văn Lâm	12/15/50		271466457	Áp 5	KTNCT	600	1.500	
3677	85	Mai Văn Giàu	1934		272209896	Áp 5	KTNCT	600	1.500	
3678	86	Ngô Thị Hai		01/01/54	272605507	Tổ 2, áp 2	KTNCT	600	1.500	
3679	87	Nguyễn Ghi	01/01/40		272195853	Áp 6	KTNCT	600	1.500	
3680	88	Nguyễn Minh	02/10/38		272985372	Áp 1	KTNCT	600	1.500	
3681	89	Nguyễn Ngọc Anh		07/02/51		Áp 6	KTNCT	600	1.500	
3682	90	Nguyễn Quang Hoa	06/08/54		272062578	Áp 3	KTNCT	600	1.500	
3683	91	Nguyễn Thanh Vân	1949		271409422	Áp 5	KTNCT	600	1.500	
3684	92	Nguyễn Thị Anh		1940	272540058	Áp 5	KTNCT	600	1.500	
3685	93	Nguyễn Thị Bé		1951		Áp 5	KTNCT	600	1.500	
3686	94	Nguyễn Thị Đào		01/01/38	272107729	áp 5	KTNCT	600	1.500	
3687	95	Nguyễn Thị Huyền		06/16/56	270862388	Áp 5	KTNCT	600	1.500	
3688	96	Nguyễn Thị Kiên		1948	272522264	Áp 5	KTNCT	600	1.500	
3689	97	Nguyễn Thị Miếng		01/06/46	270862392	Áp 5	KTNCT	600	1.500	
3690	98	Nguyễn Thị Nga		00/00/1946	272674930	Áp 5	KTNCT	600	1.500	
3691	99	Nguyễn Thị Rư		01/01/47	271006292	Áp 5	KTNCT	600	1.500	
3692	100	Nguyễn Thị Tư		1937	271324727	Áp 5	KTNCT	600	1.500	
3693	101	Nguyễn Thị Thanh Vân		00/00/1943	270252370	D66, Tổ 2, Áp 3	KTNCT	600	1.500	
3694	102	Nguyễn Thị Thiều		06/16/41	272062225	C160 áp 4	KTNCT	600	1.500	
3695	103	Nguyễn Thị Út Mười		1941	272514509	Áp 5	KTNCT	600	1.500	
3696	104	Nguyễn Văn Đù	1944		272522353	Áp 5	KTNCT	600	1.500	
3697	105	Nguyễn Văn Hoàng	1948		272522273	Áp 5	KTNCT	600	1.500	
3698	106	Nguyễn Văn Mạnh	1936		272522365	Áp 5	KTNCT	600	1.500	

Số TT	TT	Họ Và Tên	Năm sinh		Số CMND/Thẻ căn cước công dân	Địa chỉ, nơi cư trú	Đối tượng BTXH	Kinh phí (nghìn đồng)		Ghi chú
			Nam	Nữ				Trợ cấp xã hội	Hỗ trợ Covid-19	
3699	107	Nguyễn Văn Mực	01/01/37		271324706	Ấp 5	KTNCT	600	1.500	
3700	108	Nguyễn Văn Năm	00/00/1945		272468154	Ấp 5	KTNCT	600	1.500	
3701	109	Nguyễn Văn Phán	06/15/49		270862385	Ấp 5	KTNCT	600	1.500	
3702	110	Phạm Ngọc Hạnh		12/01/57	270862386	Ấp 5	KTNCT	600	600	Đã nhận 900 hỗ trợ vé số
3703	111	Phạm Thị Cúc		05/08/47	270862396	Ấp 5	KTNCT	600	1.500	
3704	112	Phạm Thị Lợi		02/01/51	272514426	Ấp 5	KTNCT	600	1.500	
3705	113	Phạm Văn Bảy	02/16/49		271095542	Ấp 5	KTNCT	600	1.500	
3706	114	Phạm Văn Du	01/01/47		271095524	Ấp 5	KTNCT	600	1.500	
3707	115	Phùng Nữ		1946	272522561	Ấp 5	KTNCT	600	1.500	
3708	116	Phùng Thị Thứ		1946	272209897	Ấp 5	KTNCT	600	1.500	
3709	117	Tào Quang Ngộ	25/2/1954		272317980	Ấp 3	KTNCT	600	1.500	
3710	118	Thạch Thị Ba		01/01/44	272628328	Ấp 5	KTNCT	600	1.500	
3711	119	Trần Huy Dược	01/5/50		271006225	Ấp 5	KTNCT	600	1.500	
3712	120	Trần Thị Lâm		1947	272435817	Ấp 5	KTNCT	600	1.500	
3713	121	Trần Thị Mười		01/01/35	272522358	Ấp 5	KTNCT	600	1.500	
3714	122	Trần Văn Ân	1950		272435819	Ấp 5	KTNCT	600	1.500	
3715	123	Trương Công Tiến	09/11/57		270251380	Ấp 1	KTNCT	600	1.500	
3716	124	Trương Thị Định		1937		Ấp 5	KTNCT	600	1.500	
3717	125	Trương Thị Phi		01/01/57		Ấp 5	KTNCT	600	1.500	
3718	126	Trương Văn	10/03/46		271006291	Ấp 5	KTNCT	600	1.500	
3719	127	Võ Thị Long		1938	270259691	Ấp 6	KTNCT	600	1.500	
3720	128	Võ Thị Ứng		05/01/51	270862394	Ấp 5	KTNCT	600	1.500	
3721	129	Nguyễn Đăng Khoa	02/28/11			Ấp 6	KTNTE	600	1.500	
3722	130	Nguyễn Tấn Huy	03/12/09			F76 Ấp 2	KTNTE	600	1.500	
3723	131	Nguyễn Tấn Thành	24/02/2005			Ấp 6	KTNTE	600	1.500	
3724	132	Nguyễn Thị Huyền Trang		05/21/13		Tổ 8, Ấp 1	KTNTE	600	1.500	
3725	133	Nguyễn Trần Hồng Anh		12/31/08		Ấp 3	KTNTE	600	1.500	
3726	134	Trương Thanh Phong	07/17/11			74 đường 4, Ấp 6	KTNTE	600	1.500	
3727	135	Võ Nguyễn Uyên Nhi		01/23/08		Ấp 1	KTNTE	600	1.500	
3728	136	Châu Tân Kha		10/12/67	271391387	Ấp 5, Tân Hiệp	KTDBN	600	600	Đã nhận 900 hỗ trợ vé số
3729	137	Đặng Quang Thành	01/01/89			Ấp 2	KTDBN	600	1.500	

Số TT	TT	Họ Và Tên	Năm sinh		Số CMND/Thẻ căn cước công dân	Địa chỉ, nơi cư trú	Đối tượng BTXH	Kính phí (nghìn đồng)		Ghi chú
			Nam	Nữ				Trợ cấp xã hội	Hỗ trợ Covid-19	
3730	138	Đỗ Hoàng Diễm Phúc		09/20/83	272209889	ấp 6	KTĐBN	600	1.500	
3731	139	Đỗ Ngọc Yến		09/22/88	272225811	D43 Ấp 6	KTĐBN	600	1.500	
3732	140	Đỗ Thị Mỹ Tiên		1972	271756089	Ấp 6	KTĐBN	600	1.500	
3733	141	Đỗ Xuân Đáng	09/03/70		270846799	Ấp 2	KTĐBN	600	1.500	
3734	142	Lê Thị Diễm Thúy		01/02/80		ấp 2	KTĐBN	600	1.500	
3735	143	Lê Thị Tường Vân		01/01/71	271842831	ấp 2	KTĐBN	600	1.500	
3736	144	Nguyễn Đà	01/01/72		272172683	ấp 2	KTĐBN	600	1.500	
3737	145	Nguyễn Thị Đào Tiên		05/11/93		ấp 1	KTĐBN	600	1.500	
3738	146	Nguyễn Thị Hằng		12/11/80		ấp 1	KTĐBN	600	1.500	
3739	147	Nguyễn Thị Lý		03/02/84	272770473	Ấp 6	KTĐBN	600	1.500	
3740	148	Nguyễn Thị Ngọc Ánh		01/01/66	272629918	330/28 Ấp 6	KTĐBN	600	1.500	
3741	149	Nguyễn Thị Ngọc Phương		12/23/81	271409421	Ấp 5	KTĐBN	600	1.500	
3742	150	Nguyễn Thị Yến		10/17/66	271095809	Ấp 6	KTĐBN	600	1.500	
3743	151	Nguyễn Văn Lộc	06/16/87			Làng đế	KTĐBN	600	1.500	
3744	152	Phạm Trí Đạo	03/06/88			Ấp 4	KTĐBN	600	1.500	
3745	153	Phan Hồng Phúc	07/29/60		270862220	Ấp 6	KTĐBN	600	600	Đã nhận 900 hỗ trợ vé số
3746	154	Trần Minh Tú	06/19/87			ấp 6	KTĐBN	600	1.500	
3747	155	Trần Quang Huy	10/01/01			ấp 6	KTĐBN	600	1.500	
3748	156	Trần Viết Tân	01/01/67		271324643	Khu Quảng Ngãi, xã Tân Hiệp	KTĐBN	600	1.500	
3749	157	Võ Đắc Nguyên	04/01/95			ấp 2	KTĐBN	600	1.500	
3750	158	Võ Thanh Sơn	10/26/64		270862532	Ấp 6	KTĐBN	600	1.500	
3751	159	Võ Thị Thu Xuân		03/27/94		Quảng Ngãi	KTĐBN	600	1.500	
3752	160	Vũ Mạnh Tiến	11/04/89		271908448	Ấp 6	KTĐBN	600	1.500	
3753	161	Vũ Nhật Minh	09/07/94		272629758	B108 Ấp 6	KTĐBN	600	1.500	
3754	162	Cao Thị Liên		1933	272628906	Ấp 5	KTĐBNCT	750	1.500	
3755	163	Dương Cao Trinh	08/15/32		270252177	Ấp 5	KTĐBNCT	750	1.500	
3756	164	Đoàn Thị Ba		10/14/30	270251542	ấp 2	KTĐBNCT	750	1.500	
3757	165	Đỗ Thị Cồn		01/01/32	270259768	Ấp 6	KTĐBNCT	750	1.500	
3758	166	Đỗ Văn Thành	10/04/59		272225098	ấp 4	KTĐBNCT	750	1.500	
3759	167	Hoàng Thị Hành		05/3/1939	272062115	Ấp 6	KTĐBNCT	750	1.500	
3760	168	Hồ Thị Nở		01/01/1940		Ấp 5	KTĐBNCT	750	1.500	

Số TT	TT	Họ Và Tên	Năm sinh		Số CMND/Thẻ căn cước công dân	Địa chỉ, nơi cư trú	Đối tượng BHYT	Kinh phí (nghìn đồng)		Ghi chú
			Nam	Nữ				Trợ cấp xã hội	Hỗ trợ Covid-19	
3761	169	Lê Thị Biên		08/14/38	270259366	T50, Ấp 1, xã Tân Hiệp	KTDBNCT	750	1.500	
3762	170	Ngô Thanh Lập	01/01/55		270259366	Ấp 1	KTDBNCT	750	1.500	
3763	171	Ngô Thị Phán		10/19/34	270259887	Ấp 2	KTDBNCT	750	1.500	
3764	172	Ngô Thị Y		07/03/30	270259887	Ấp 2	KTDBNCT	750	1.500	
3765	173	Nguyễn Ngọc Linh	07/07/57		270259378	Ấp 1	KTDBNCT	750	1.500	
3766	174	Nguyễn Tấn Nhựt	1958		270251286	Ấp 2	KTDBNCT	750	1.500	
3767	175	Nguyễn Thị Bền		05/10/28	272101570	Ấp 6	KTDBNCT	750	1.500	
3768	176	Nguyễn Thị Diễm		1925	190741742	Ấp 6	KTDBNCT	750	1.500	
3769	177	Nguyễn Thị Gái		01/01/30	270251479	Ấp 3	KTDBNCT	750	1.500	
3770	178	Nguyễn Thị Hiệt		00/00/1935	270259742	Ấp 1	KTDBNCT	750	1.500	
3771	179	Nguyễn Thị Phán		02/02/57	272924387	Ấp 2, Tân Hiệp	KTDBNCT	750	1.500	
3772	180	Nguyễn Thị Phúc		01/01/54	371095701	A100 Ấp 6	KTDBNCT	750	1.500	
3773	181	Nguyễn Thị Tiến		06/10/57	272062577	Quảng Ngãi	KTDBNCT	750	1.500	
3774	182	Nguyễn Thị Tuyết Mai		01/01/43	270252232	55 Đường 5, Ấp 6	KTDBNCT	750	1.500	
3775	183	Nguyễn Thị Thu Hương	01/01/1946		272062247	Ấp 2	KTDBNCT	750	1.500	
3776	184	Nguyễn Văn Thân	01/01/52		271909162	Ấp 6	KTDBNCT	750	1.500	
3777	185	Nguyễn Đức Trung	09/06/55		270238954	Ấp 6	KTDBNCT	750	1.500	
3778	186	Phạm Ba	06/08/55		271006189	Ấp 2	KTDBNCT	750	1.500	
3779	187	Phạm Đình Tuấn	02/04/59		270259189	Ấp 6	KTDBNCT	750	1.500	
3780	188	Phạm Thị Bé		06/10/30	272062500	Quảng Ngãi	KTDBNCT	750	1.500	
3781	189	Phạm Thị Bình		03/20/58	270259923	Ấp 2	KTDBNCT	750	1.500	
3782	190	Phạm Thị Kim		01/01/31	270259942	Ấp 1	KTDBNCT	750	1.500	
3783	191	Phan Văn Lãng	04/05/45		271747104	Ấp 6	KTDBNCT	750	1.500	
3784	192	Tào Vinh Dự	07/01/34		270266046	121 Ấp 6	KTDBNCT	750	1.500	
3785	193	Tô Thị Vinh Phượng		03/02/30	270251445	Ấp 6	KTDBNCT	750	1.500	
3786	194	Trần Văn Thành	1935			Ấp 5	KTDBNCT	750	500	Chết 12/4/2020
3787	195	Ung Thị Hòa		01/10/30	270251517	Ấp 6	KTDBNCT	750	1.500	
3788	196	Võ Thị Ngọc Lan		01/01/60	270266020	Ấp 2, Tân Hiệp	KTDBNCT	750	1.500	
3789	197	Vũ Thị Oanh		02/04/37	270632544	Tổ 12, Ấp 6, Tân Hiệp	KTDBNCT	750	1.500	
3790	198	Bùi Lê Quang Trường	31/3/2010			Ấp 6	KTDBNTE	750	1.500	

Số TT	TT	Họ Và Tên	Năm sinh		Số CMND/Thẻ căn cước công dân	Địa chỉ, nơi cư trú	Đối tượng BTXH	Kinh phí (nghìn đồng)		Ghi chú
			Nam	Nữ				Trợ cấp xã hội	Hỗ trợ Covid-19	
3791	199	Huỳnh Thanh Lộc	05/30/10			125 Ấp 2, Tân Hiệp	KTĐBNT	750	1.500	
3792	200	Nguyễn Minh Triết	12/25/13			Ấp 1	KTĐBNT	750	1.500	
3793	201	Phạm Huỳnh Anh		06/13/16		Ấp 4	KTĐBNT	750	1.500	
3794	202	Phạm Thiên An	12/21/13			H46 ấp 4	KTĐBNT	750	1.500	
3795	203	Võ Trọng Hân	04/02/06			ấp 2	KTĐBNT	750	1.500	
3796	204	Bùi Mỹ	01/10/28		270252312	ấp 1	CT	300	1.500	
3797	205	Bùi Thị Vui		10/20/32	270254158	Ấp 3	CT	300	1.500	
3798	206	Bùi Văn Châu	01/01/1937		270254202	ấp 3	CT	300	1.500	
3799	207	Cao Thị Triều		1925	270251421	ấp 6	CT	300	1.500	
3800	208	Diệp Văn Sánh	10/10/31		270254088	Ấp 3	CT	300	1.500	
3801	209	Dương Thị Chất		01/01/29	270251735	ấp 3	CT	300	1.500	
3802	210	Đặng Văn Phú	01/01/40			Ấp 3, Tân Hiệp	CT	300	1.500	
3803	211	Điền Chức	00/00/1931		270252439	Dân tộc	CT	300	1.500	
3804	212	Điền Kết	1932		270245813	Dân Tộc	CT	300	1.500	
3805	213	Đinh Sơn Quang	01/01/26		270254953	ấp 4	CT	300	1.500	
3806	214	Đinh Thị An		09/10/33		Ấp 6	CT	300	1.500	
3807	215	Đinh Thị Châm		01/13/32	270254611	Ấp 4	CT	300	1.500	
3808	216	Đinh Thị Hoa		01/01/40		Tổ 4, Ấp 6, Tân Hiệp	CT	300	1.500	
3809	217	Đinh Thị Ngân		01/01/31	270254722	ấp 4	CT	300	1.500	
3810	218	Đinh Thuồng	01/10/39		270251556	Ấp 6	CT	300	1.500	
3811	219	Đoàn Thị Liễu		11/14/38	270252402	Ấp 2	CT	300	1.500	
3812	220	Đoàn Thị Nhiệm		12/29/39		Ấp 3, Tân Hiệp	CT	300	1.500	
3813	221	Đoàn Thị Sang		05/01/25	272383926	ấp 6	CT	300	1.500	
3814	222	Hà Thị Lụa		09/13/39	270251566	Ấp 6	CT	300	1.500	
3815	223	Hoàng Văn An	01/01/40		270252321	D13 Ấp 6, Tân Hiệp	CT	300	1.500	
3816	224	Hồ Thị Chất		02/12/31	270251644	ấp 6	CT	300	1.500	
3817	225	Hồ Thị Diễm		1933	270254128	Ấp 3	CT	300	1.500	
3818	226	Hồ Thị Giò		00/00/1935	270251890	Ấp 6	CT	300	1.500	
3819	227	Hồ Thị Hơi		09/20/37	270254160	Ấp 1, Tân Hiệp	CT	300	1.500	
3820	228	Hồ Thị Niêm		10/12/38	270252342	Ấp 1	CT	300	1.500	

Số TT	TT	Họ Và Tên	Năm sinh		Số CMND/Thẻ căn cước công dân	Địa chỉ, nơi cư trú	Đối tượng BTXH	Kinh phí (nghìn đồng)		Ghi chú
			Nam	Nữ				Trợ cấp xã hội	Hỗ trợ Covid-19	
3821	229	Hồ Thị Xuân Hương		01/01/39	270254127	Ấp 3	CT	300	1.500	
3822	230	Huỳnh Thị Ba		01/01/34	270251479	34 Ấp 6	CT	300	1.500	
3823	231	Huỳnh Thị Giác		09/10/36	270251333	Ấp 6	CT	300	1.500	
3824	232	Huỳnh Thị Mai		08/08/38	270251276	Ấp 6	CT	300	1.500	
3825	233	Huỳnh Thị Phi		01/15/31	270252057	Ấp 2	CT	300	1.500	
3826	234	Huỳnh Thị Tiên		01/01/39	270251837	Ấp 6	CT	300	1.500	
3827	235	Huỳnh Thị Trọng		10/07/37	200590638	Ấp 6	CT	300	1.500	
3828	236	Huỳnh Thị Trọng	01/01/29		270252104	Ấp 2	CT	300	1.500	
3829	237	Huỳnh Văn Chơ	01/01/34			H34 Bis, Ấp 1	CT	300	1.500	
3830	238	Lâm Hồng Yến		01/01/1937		Ấp 5	CT	300	1.500	
3831	239	Lâm Nghĩa Hiệp	01/01/36		272800352	Ấp 5	CT	300	1.500	
3832	240	Lê Hùng	01/01/30		270259401	Ấp 1	CT	300	1.500	
3833	241	Lê Phi Long		1932		Ấp 5	CT	300	1.500	
3834	242	Lê Quang Xê	01/01/27		272434857	Ấp 6	CT	300	1.500	
3835	243	Lê Tài	01/01/1937		272101426	Ấp 3	CT	300	1.500	
3836	244	Lê Thị Bảy		01/01/1930	271324744	Ấp 2	CT	300	1.500	
3837	245	Lê Thị Liên		01/01/1936		Ấp 3	CT	300	1.500	
3838	246	Lê Thị Ngợi		01/01/1937	270846968	Ấp 3	CT	300	1.500	
3839	247	Lê Thị Nhâm		1925	271702672	Ấp 1	CT	300	1.500	
3840	248	Lê Thị Nhị		01/01/39	270259473	Ấp 1	CT	300	1.500	
3841	249	Lê Thị Xuân Mai		06/14/16	270252395	Ấp 1	CT	300	1.500	
3842	250	Lê Ứ	06/13/39		273361019	Ấp 2	CT	300	1.500	
3843	251	Lê Văn Quyên	02/01/36		272062513	Ấp 2	CT	300	1.500	
3844	252	Lê Vĩnh Tiến	12/01/27		270251805	Ấp 6	CT	300	1.500	
3845	253	Lư Thị Hào		03/12/40		Ấp 3, Tân Hiệp	CT	300	1.500	
3846	254	Lữ Thị Kỳ		10/20/35	270259954	Ấp 2	CT	300	1.500	
3847	255	Lữ Thị Ninh		1920	270259918	Ấp 2	CT	300	1.500	
3848	256	Lương Ngọc Mai		03/12/26	270252164	Ấp 2	CT	300	1.500	
3849	257	Lương Thị Tâm		06/02/16	272514427	Ấp 2	CT	300	1.500	
3850	258	Lưu Thị Thọ		06/14/37	272101415	Ấp 2	CT	300	1.500	
3851	259	Lý Thị Chức		04/12/30	272062593	Quảng Ngãi	CT	300	1.500	
3852	260	Lý Thị Hương		01/01/39	270525360	Tô 7, Ấp 2	CT	300	1.500	
3853	261	Mai Hồ	01/01/34		270259955	F83 Tổ 2, Ấp 2	CT	300	1.500	

Số TT	TT	Họ Và Tên	Năm sinh		Số CMND/Thẻ căn cước công dân	Địa chỉ, nơi cư trú	Đối tượng BTXH	Kinh phí (nghìn đồng)		Ghi chú
			Nam	Nữ				Trợ cấp xã hội	Hỗ trợ Covid-19	
3854	262	Mai Hữu	10/10/37		200590637	Áp 6	CT	300	1.500	
3855	263	Mai Thị Láng		03/10/1931	270259576	Áp 1	CT	300	1.500	
3856	264	Mai Thị Lợi		03/03/37	272062185	áp 6	CT	300	1.500	
3857	265	Mai Thị Sứ		01/01/34	021369842	A94b/CN Áp 6	CT	300	1.500	
3858	266	Ngô Chạy	02/01/32		270259972	Áp 2	CT	300	1.500	
3859	267	Ngô Thị Dèo		00/00/1935		Áp 6	CT	300	1.500	
3860	268	Ngô Thị Mỗi		07/19/33	270251665	Áp 6	CT	300	1.500	
3861	269	Nguyễn Ba	10/20/37		270259804	330/15 Áp 6	CT	300	1.500	
3862	270	Nguyễn Bình	01/01/30		270251744	áp 6	CT	300	1.500	
3863	271	Nguyễn Công Tráng	02/04/35		272062206	284 áp 6	CT	300	1.500	
3864	272	Nguyễn Đới	12/12/38		270252187	Áp 2	CT	300	1.500	
3865	273	Nguyễn Huệ	09/09/30		270252403	áp 3	CT	300	1.500	
3866	274	Nguyễn Hữu Giám	01/01/38		270259862	Áp 6, Tân Hiệp	CT	300	1.500	
3867	275	Nguyễn Ngọc Thìn		01/01/31	270252030	áp 6	CT	300	1.500	
3868	276	Nguyễn Ngô	03/07/29		270252029	áp 6	CT	300	1.500	
3869	277	Nguyễn Nhân	10/10/36		270252011	Áp 2	CT	300	1.500	
3870	278	Nguyễn Quốc Đệ	04/04/38		270846810	Áp 2, Tân Hiệp	CT	300	1.500	
3871	279	Nguyễn Tăng	05/15/25		272062646	áp 1	CT	300	1.500	
3872	280	Nguyễn Tấn Lực	1925		270259977	áp 2	CT	300	1.500	
3873	281	Nguyễn Thái Hòa	01/01/1937		272027161	áp 3	CT	300	1.500	
3874	282	Nguyễn Thị A		1921	270252380	áp 1	CT	300	1.500	
3875	283	Nguyễn Thị Ân		05/20/32	270254157	Áp 6	CT	300	1.500	
3876	284	Nguyễn Thị Bé		01/01/33	272062500	Áp 6	CT	300	1.500	
3877	285	Nguyễn Thị Bón		01/01/1937	272062434	áp 2	CT	300	1.500	
3878	286	Nguyễn Thị Bón		08/15/37	272062434	Áp 6, Tân Hiệp	CT	300	1.500	
3879	287	Nguyễn Thị Bồng		04/20/33	270259755	Làng Đẻ	CT	300	1.500	
3880	288	Nguyễn Thị Cửu		1922	270259743		CT	300	1.500	
3881	289	Nguyễn Thị Chanh		01/01/39	270259475	Tổ 5, Áp 1, Tân Hiệp	CT	300	1.500	
3882	290	Nguyễn Thị Chúc		01/01/30	270252046	áp 2	CT	300	1.500	
3883	291	Nguyễn Thị Đào		12/12/37	270251463	Áp 3	CT	300	1.500	
3884	292	Nguyễn Thị Đầu		06/02/27	200591248	áp 6	CT	300	1.500	
3885	293	Nguyễn Thị Điều		05/20/35	270269567	Áp 3	CT	300	1.500	

Số TT	TT	Họ Và Tên	Năm sinh		Số CMND/Thẻ căn cước công dân	Địa chỉ, nơi cư trú	Đổi tượng BTXH	Kinh phí (nghìn đồng)		Ghi chú
			Nam	Nữ				Trợ cấp xã hội	Hỗ trợ Covid-19	
3886	294	Nguyễn Thị Hương		01/01/39	270254188	Ấp 3	CT	300	1.500	
3887	295	Nguyễn Thị Hai		1932	270254194	Ấp 3	CT	300	1.500	
3888	296	Nguyễn Thị Hoa		03/20/37	270258958	ấp 2	CT	300	1.500	
3889	297	Nguyễn Thị Hồng		12/06/37	270252441	Ấp 1	CT	300	1.500	
3890	298	Nguyễn Thị Huệ		01/01/34	270632371	F79 Ấp 6	CT	300	1.500	
3891	299	Nguyễn Thị Hương		05/10/26	270252160	ấp 2	CT	300	1.500	
3892	300	Nguyễn Thị Hương		01/01/39	020504632	Ấp 1	CT	300	1.500	
3893	301	Nguyễn Thị Kìa		01/01/30	270259678	ấp 6	CT	300	1.500	
3894	302	Nguyễn Thị Khả		01/01/40		Ấp 6, Tân Hiệp	CT	300	1.500	
3895	303	Nguyễn Thị Khoa		1923	270252333		CT	300	1.500	
3896	304	Nguyễn Thị Lan		01/01/38	272383925	Ấp 6, Tân Hiệp	CT	300	1.500	
3897	305	Nguyễn Thị Lanh		1922	270266035		CT	300	1.500	
3898	306	Nguyễn Thị Luật		09/20/37	270266013	Ấp 2, Tân Hiệp	CT	300	1.500	
3899	307	Nguyễn Thị Luyện		01/01/39		Ấp 2, Tân Hiệp	CT	300	1.500	
3900	308	Nguyễn Thị Mai		03/01/37	272062207	ấp 6	CT	300	1.500	
3901	309	Nguyễn Thị Mai		01/01/38	270252343	B24, Ấp 1, Tân Hiệp	CT	300	1.500	
3902	310	Nguyễn Thị Mẫn		00/00/1935	270254417	Ấp 3	CT	300	1.500	
3903	311	Nguyễn Thị Năm		01/01/34	270259866	F102 Ấp 2	CT	300	1.500	
3904	312	Nguyễn Thị Ngân		1932	270252040	Ấp 2	CT	300	1.500	
3905	313	Nguyễn Thị Ngọc		03/12/37	270862380	ấp 5	CT	300	1.500	
3906	314	Nguyễn Thị Ngọc Anh		20/12/1935		Ấp 6	CT	300	1.500	
3907	315	Nguyễn Thị Ngọc Mai		01/01/39	270251841	Ấp 6	CT	300	1.500	
3908	316	Nguyễn Thị Ngon		00/00/1935	270251884	Ấp 6	CT	300	1.500	
3909	317	Nguyễn Thị Nguyền		01/01/39	270252309	Tổ 12, Ấp 1	CT	300	1.500	
3910	318	Nguyễn Thị Nhi		10/01/38		Ấp 2	CT	300	1.500	
3911	319	Nguyễn Thị Như Mai		07/01/37	272062440	Ấp 2, Tân Hiệp	CT	300	1.500	
3912	320	Nguyễn Thị Rõ		01/01/1937	270252028	ấp 2	CT	300	1.500	
3913	321	Nguyễn Thị Sơn		00/00/1935	272101069	Ấp 4	CT	300	1.500	
3914	322	Nguyễn Thị Sự		1932	270251844	Ấp 6	CT	300	1.500	
3915	323	Nguyễn Thị Tân		01/01/38	270259991	G40, Ấp 1, Tân Hiệp	CT	300	1.500	
3916	324	Nguyễn Thị Tấn		07/17/32	270252017	Ấp 2	CT	300	1.500	

Số TT	TT	Họ Và Tên	Năm sinh		Số CMND/Thẻ căn cước công dân	Địa chỉ, nơi cư trú	Đối tượng BTXH	Kinh phí (nghìn đồng)		Ghi chú
			Nam	Nữ				Trợ cấp xã hội	Hỗ trợ Covid-19	
3917	325	Nguyễn Thị Tèo		1920	271950118		CT	300	1.500	
3918	326	Nguyễn Thị Tím		01/01/30	270862397	áp 5	CT	300	1.500	
3919	327	Nguyễn Thị Tơ		01/01/29	270251799	áp 6	CT	300	1.500	
3920	328	Nguyễn Thị Tuấn		12/12/37	270254835	Áp 3	CT	300	1.500	
3921	329	Nguyễn Thị Tha		10/12/35	270252097	Áp 2	CT	300	1.500	
3922	330	Nguyễn Thị Thái		03/16/37	270259661	áp 1	CT	300	1.500	
3923	331	Nguyễn Thị Thèo		01/01/34	270251686	C41 Áp 6	CT	300	1.500	
3924	332	Nguyễn Thị Thộ		01/01/34	270254223	C109 Áp 3	CT	300	1.500	
3925	333	Nguyễn Thị Thời		01/01/40		Áp 1, Tân Hiệp	CT	300	1.500	
3926	334	Nguyễn Thị Trang		06/12/30	270252083	áp 2	CT	300	1.500	
3927	335	Nguyễn Thị Trâm		05/02/1937	270252481	D44, Áp 1	CT	300	1.500	
3928	336	Nguyễn Thị Xiêm		08/03/28	270259765	áp 2	CT	300	1.500	
3929	337	Nguyễn Thị Xuê		02/02/38	270252351	Áp 1, Tân Hiệp	CT	300	1.500	
3930	338	Nguyễn Thị Yêm		10/10/38	270862109	Áp 6	CT	300	1.500	
3931	339	Nguyễn Trâm	1920		272062066		CT	300	1.500	
3932	340	Nguyễn Văn Húc	1933		270254205	Áp 3	CT	300	1.500	
3933	341	Nguyễn Văn Nghĩa	01/01/34		270251217	D61 Áp 3	CT	300	1.500	
3934	342	Nguyễn Văn Quang	05/15/39		270252133	Áp 2	CT	300	1.500	
3935	343	Nguyễn Văn Thi	03/02/35		270251693	Tổ 5, Áp 6	CT	300	1.500	
3936	344	Nguyễn Văn Trên	01/01/27		271095549	áp 6	CT	300	1.500	
3937	345	Nguyễn Xứng	01/01/24		200775129	Áp 1	CT	300	1.500	
3938	346	Phạm Đình Đức	07/13/39		271736163	Áp 4	CT	300	1.500	
3939	347	Phạm Đình Quang	01/01/30		270251533	áp 1	CT	300	1.500	
3940	348	Phạm Đình Tấn	03/12/35		270259448	Áp 1	CT	300	500	Chết 25/4/2020
3941	349	Phạm Thị Ái		01/01/30	270252324	áp 1	CT	300	600	Đã nhận 900 hỗ trợ vé số
3942	350	Phạm Thị Bén		01/01/1936	270077325	Áp 1	CT	300	1.500	
3943	351	Phạm Thị Biên		00/00/1924	270077325	Áp 6	CT	300	1.500	
3944	352	Phạm Thị Đào		06/16/33	205713560	Áp 6	CT	300	1.500	
3945	353	Phạm Thị Đào		02/02/34	205713560	Áp 3	CT	300	1.500	
3946	354	Phạm Thị Hữu		1916	270252197		CT	300	1.500	
3947	355	Phạm Thị Năm		00/00/1929		Tổ 3, Áp 5	CT	300	1.500	
3948	356	Phạm Thị Niêm		01/01/27	270252077	áp 1	CT	300	1.500	

Số TT	TT	Họ Và Tên	Năm sinh		Số CMND/Thẻ căn cước công dân	Địa chỉ, nơi cư trú	Đối tượng BTXH	Kinh phí (ngàn đồng)		Ghi chú
			Nam	Nữ				Trợ cấp xã hội	Hỗ trợ Covid-19	
3949	357	Phạm Thị Nhị		01/01/38	270251733	E81, Ấp 6, Tân Hiệp	CT	300	1.500	
3950	358	Phạm Thị Sáu		09/14/34	272351211	E126 Ấp 2	CT	300	1.500	
3951	359	Phạm Thị Tần		04/12/40	272629791	Tổ 14, Ấp 6	CT	300	1.500	
3952	360	Phạm Thị Tuất		01/01/1936	270251261	Ấp 6	CT	300	1.500	
3953	361	Phạm Thị Thanh		10/12/35	272086040	Ấp 2	CT	300	1.500	
3954	362	Phạm Văn Lưu	02/01/30		271066218	Ấp 3	CT	300	1.500	
3955	363	Phạm Xí	07/07/38		272062740	E65 Ấp 6	CT	300	1.500	
3956	364	Phạm Đình Chi	13/7/1936			Ấp 1	CT	300	1.500	
3957	365	Phạm Thị Bằng		01/01/1937	270251358	Ấp 6	CT	300	1.500	
3958	366	Phạm Thị Hai		10/15/39	272062763	Ấp 6	CT	300	1.500	
3959	367	Phạm Thị Hạnh		10/10/35	270252155	Ấp 6	CT	300	1.500	
3960	368	Phạm Thị Năm		01/01/36		Ấp 1	CT	300	1.500	
3961	369	Phạm Thị Sang		01/01/26	271909793	Ấp 2	CT	300	1.500	
3962	370	Phạm Thị Sơ		00/00/1930	272435116	Ấp 2	CT	300	1.500	
3963	371	Phạm Thị Tâm		13/7/1936	270259853	Ấp 2	CT	300	1.500	
3964	372	Phạm Thị Tâm		01/01/38	270259790	Tổ 10, Ấp 1, Tân Hiệp	CT	300	1.500	
3965	373	Phạm Thị Thảo		06/20/38	272062390	Quảng Ngãi	CT	300	1.500	
3966	374	Phan Thị Vinh		08/10/37	272062527	Tổ 7, Ấp 1, Tân Hiệp	CT	300	1.500	
3967	375	Tạ Thị Oăng		07/20/28	190645790	Ấp 1	CT	300	1.500	
3968	376	Tạ Thị Thí		08/08/33	270251728	Ấp 6	CT	300	1.500	
3969	377	Thái Thị Thanh		1922	272062277		CT	300	1.500	
3970	378	Trần Hữu Niệm	06/02/37			Ấp 3	CT	300	1.500	
3971	379	Trần Mật	07/20/34		271942963	E29 ấp 2	CT	300	1.500	
3972	380	Trần Minh Lâm	03/10/40			Ấp 3, Tân Hiệp	CT	300	1.500	
3973	381	Trần Ngọc Lương	02/03/32		270873090	Quảng Ngãi	CT	300	1.500	
3974	382	Trần Thị Cam		03/25/36	272062640	Ấp 6	CT	300	1.500	
3975	383	Trần Thị Hà		08/01/37	272301614	Tổ 5, Ấp 1, Tân Hiệp	CT	300	1.500	
3976	384	Trần Thị Hoa		1924	270252306	Ấp 1	CT	300	1.500	
3977	385	Trần Thị Huệ		1932	270252266	Ấp 2	CT	300	1.500	

Số TT	TT	Họ Và Tên	Năm sinh		Số CMND/Thẻ căn cước công dân	Địa chỉ, nơi cư trú	Đối tượng BTXH	Kinh phí (nghìn đồng)		Ghi chú
			Nam	Nữ				Trợ cấp xã hội	Hỗ trợ Covid-19	
3978	386	Trần Thị Lộc		09/20/32	270259885	Áp 2	CT	300	1.500	
3979	387	Trần Thị Nữ		04/05/34	272062498	A.25 bis áp 6	CT	300	1.500	
3980	388	Trần Thị Nhung		03/07/27	270252513	áp 1	CT	300	1.500	
3981	389	Trần Thị Như		01/01/22	270254801	Áp 4	CT	300	1.500	
3982	390	Trần Thị Túc		01/01/38	271006104	220 Áp 1, Tân Hiệp	CT	300	1.500	
3983	391	Trần Thị Từ		01/01/39	270251089	Áp 3	CT	300	1.500	
3984	392	Trần Thị Thanh		01/01/39	270259843	Áp 2	CT	300	1.500	
3985	393	Trần Thường	03/12/36			Áp 2	CT	300	1.500	
3986	394	Trần Văn Công	01/01/30		270632474	áp 2	CT	300	1.500	
3987	395	Trần Văn Chấn	01/01/30		270251215	áp 6	CT	300	1.500	
3988	396	Trịnh Thị Gái		01/01/40		Áp 6, Tân Hiệp	CT	300	1.500	
3989	397	Trương Thị Đào		01/01/31	270252327	áp 1	CT	300	1.500	
3990	398	Trương Thị Hoa		01/01/38	270632449	Áp 6	CT	300	1.500	
3991	399	Trương Thị Hồn		10/21/38	270251275	Áp 6	CT	300	1.500	
3992	400	Trương Thị Xinh		01/01/35	272985736	Tổ 7, Áp 2	CT	300	1.500	
3993	401	Trương Văn Chi	02/16/37		270252265	Áp 1	CT	300	1.500	
3994	402	Võ Thị Bảy		08/01/39	270266034	Tổ 4, Áp 1	CT	300	1.500	
3995	403	Võ Thị Hương		10/03/37	270252016	Áp 2	CT	300	1.500	
3996	404	Võ Thị Tập		1932	272062314	Áp 1	CT	300	1.500	
3997	405	Võ Thị Thanh Hoa		01/04/35	270252287	Áp 2	CT	300	1.500	
3998	406	Võ Thị Thiệt		10/15/35	270259742	Áp 4	CT	300	1.500	
3999	407	Võ Thị Yết		01/01/1937	270252490	Áp 2	CT	300	1.500	
		XÃ PHƯỚC THÁI							690.000	
4000	1	Lê Minh Quân	12/03/02		079202023211	Áp 1C	TEMC	450	1.500	
4001	2	Lê Nhật Minh	05/04/05			Áp 1B	TEMC	450	1.500	
4002	3	Mai Văn Hòa	06/06/01			áp 3,	TEMC	450	1.500	
4003	4	Nguyễn Ngọc Trúc Quỳnh		11/14/13		Áp Hiền Hòa	TEMC	450	1.500	
4004	5	Tuy Hữu Phương	02/15/09			Áp Long Phú	TEMC	450	1.500	
4005	6	Lê Thị Phương Đoan		01/01/70	271348676	Áp 1C	NDT nuôi 01 con	300	600	Đã nhận 900 hỗ trợ vé số
4006	7	Kiều Thị Cài		01/01/48	270631594	áp 1B	GCD<80T	450	1.500	
4007	8	Nguyễn Thị Trúc		01/01/41	150279207	Hiền hòa	GCD<80T	450	1.500	

Số TT	TT	Họ Và Tên	Năm sinh		Số CMND/Thẻ căn cước công dân	Địa chỉ, nơi cư trú	Đối tượng BTXH	Kinh phí (nghìn đồng)		Ghi chú
			Nam	Nữ				Trợ cấp xã hội	Hỗ trợ Covid-19	
4008	9	Phạm Thị Bánh		01/01/48	270260034	ấp 1B	GCD<80T	450	1.500	
4009	10	Huỳnh Thị Ba		01/01/30	270579556	Hiện hòa	GCD>80T	600	1.500	
4010	11	Bùi Quốc Hòa	1981		271397410		KTN	450	1.500	
4011	12	Bùi Thị Tuyết		06/03/97	k có CMND	ấp 3	KTN	450	1.500	
4012	13	Bùi Văn Viên	01/01/90		k có CMND	Tổ 8, ấp Hiện Hòa	KTN	450	1.500	
4013	14	Đào Sơn Đông	1980		271466504	Hiện Đức	KTN	450	1.500	
4014	15	Đặng Hoàng Sơn	1975		271140926	Ấp 1B	KTN	450	1.500	
4015	16	Đặng Văn Phương	01/02/91		k có CMND	Hiện Hòa	KTN	450	1.500	
4016	17	Đặng Văn Thông	01/01/62		272301886	Hiện Đức	KTN	450	1.500	
4017	18	Đieu Ngọc Trần		02/23/76		Tổ 8, ấp Long Phú	KTN	450	1.500	
4018	19	Đinh Quốc Văn	22/11/1972		271099133	Ấp 6	KTN	450	1.500	
4019	20	Đoàn Văn Hưng	01/29/93			Hiện hòa	KTN	450	1.500	
4020	21	Đỗ Trần Thiên Lý		02/08/90		ấp 1B	KTN	450	1.500	
4021	22	Đỗ Văn Đăng	24/5/1965		271177377	Hiện Đức	KTN	450	1.500	
4022	23	Hoàng Đại Lộc	07/12/00			Ấp Long Phú, Phước Thái	KTN	450	1.500	
4023	24	Hoàng Nhật Tân	1983		271809663	ấp 3	KTN	450	1.500	
4024	25	Hoàng Thị Hào		09/18/77		ấp 3	KTN	450	1.500	
4025	26	Hoàng Văn Uớc	01/01/76		162352896	Ấp Hiện Hòa	KTN	450	1.500	
4026	27	Hoàng Xuân Bình	11/03/83		271643468	1C	KTN	450	1.500	
4027	28	Hồ Xuân Nhân	07/04/94		272384286	Tổ 5, ấp 1B	KTN	450	1.500	
4028	29	Huỳnh Hoa Hồng		08/15/92	272300523	Ấp 1B	KTN	450	1.500	
4029	30	Huỳnh Văn Vinh	01/01/71			1C	KTN	450	1.500	
4030	31	Lê Hùng	10/08/68		271099004	Tổ 11, Ấp 1B	KTN	450	600	Đã nhận 900 hỗ trợ vé số
4031	32	Lê Thị Thảo		22/1987	276042587	Tổ 2, ấp 3	KTN	450	1.500	
4032	33	Lê Văn Đen	01/01/71		k có CMND	Long Phú	KTN	450	600	Đã nhận 900 hỗ trợ vé số
4033	34	Mai Quang Thủy	03/08/93			Hiện hòa	KTN	450	1.500	
4034	35	Ng. Thị Minh Loan		01/01/63	272300289	Hiện Hòa	KTN	450	1.500	
4035	36	Ngô Văn Bình	01/01/1979		271397638	Ấp 1A	KTN	450	1.500	
4036	37	Nguyễn Duy Linh		06/26/96		Ấp 1B	KTN	450	1.500	
4037	38	Nguyễn Hoàng Lương	05/07/04			048 Tổ 20, ấp 1C	KTN	450	1.500	

Số TT	TT	Họ Và Tên	Năm sinh		Số CMND/Thẻ căn cước công dân	Địa chỉ, nơi cư trú	Đối tượng BTXH	Kinh phí (nghìn đồng)		Ghi chú
			Nam	Nữ				Trợ cấp xã hội	Hỗ trợ Covid-19	
4038	39	Nguyễn Hùng Cường	09/19/67		272027682	Áp 1B	KTN	450	1.500	
4039	40	Nguyễn Hùng Phương	11/22/72		271345007	Tổ 12, áp 1B	KTN	450	1.500	
4040	41	Nguyễn Hữu Long	01/01/70		271140710	Tổ 6, áp Long Phú	KTN	450	1.500	
4041	42	Nguyễn Minh Hiền	06/18/82			Hiền hòa	KTN	450	1.500	
4042	43	Nguyễn Ngọc Diễm		11/08/77		Long Phú	KTN	450	1.500	
4043	44	Nguyễn Ngọc Lan		05/03/85		1A	KTN	450	1.500	
4044	45	Nguyễn Quang Vinh	00/00/1974		271281175	Long Phú	KTN	450	1.500	
4045	46	Nguyễn Tôn Vương	04/02/83		271542192	Hiền Hòa	KTN	450	1.500	
4046	47	Nguyễn Thành Đô	09/09/85		k có CMND	Long Phú	KTN	450	1.500	
4047	48	Nguyễn Thị Cúc		00/00/1970		Áp 1C	KTN	450	1.500	
4048	49	Nguyễn Thị Cung		1964	270245641	áp 3,	KTN	450	1.500	
4049	50	Nguyễn Thị Hoa		01/01/68		Áp Long Phú	KTN	450	1.500	
4050	51	Nguyễn Thị Khuê		1967	161831566	Áp 3	KTN	450	1.500	
4051	52	Nguyễn Thị Nghĩa		06/12/88	173387566	Tổ 18, áp 1C	KTN	450	1.500	
4052	53	Nguyễn Thị Thanh Nga		01/01/72	272086923	135 Tổ 4, Long Phú	KTN	450	1.500	
4053	54	Nguyễn Trung Hiếu	11/14/85		272063825	Áp 1C	KTN	450	1.500	
4054	55	Nguyễn Văn Hùng	05/29/67			Tổ 6, áp 1C	KTN	450	1.500	
4055	56	Nguyễn Xuân Sang	01/30/85		271909032	Tổ 3, áp 1B	KTN	450	1.500	
4056	57	Phạm Thị Mận		06/09/62	272351927	Tổ 6, áp Long Phú	KTN	450	1.500	
4057	58	Phạm Văn Quyết	12/19/68		271798189	Áp Hiền Hòa	KTN	450	1.500	
4058	59	Phan Trọng Tiến	24/10/1992		272226014	1C	KTN	450	600	Đã nhận 900 hỗ trợ vé số
4059	60	Phùng Thị Thu		01/01/1972		Tổ 2, Áp 1C	KTN	450	1.500	
4060	61	Thái Văn Thành	01/01/67		362124181	áp 1B	KTN	450	1.500	
4061	62	Trần Công Đại	02/14/97			Long Phú	KTN	450	1.500	
4062	63	Trần Ngọc Phú	01/01/87		271953466	538 Tổ 11, Long Phú	KTN	450	1.500	
4063	64	Trần Ngọc Sơn	02/11/94			Long Phú	KTN	450	1.500	
4064	65	Trần Nguyễn Lâm	09/11/84		271643299	Hiền Đức	KTN	450	1.500	
4065	66	Trần T.tuyết Thịnh		25/6/1979		Hiền Hòa	KTN	450	1.500	
4066	67	Trần Thị Thảo		21/9/1981	272115827	Hiền Đức	KTN	450	1.500	
4067	68	Trần Văn Duẩn	10/30/70		271627753	Hiền hòa	KTN	450	1.500	

Số TT	TT	Họ Và Tên	Năm sinh		Số CMND/Thẻ căn cước công dân	Địa chỉ, nơi cư trú	Đối tượng BTXH	Kinh phí (nghìn đồng)		Ghi chú
			Nam	Nữ				Trợ cấp xã hội	Hỗ trợ Covid-19	
4068	69	Trần Văn Thiên	00/00/1976			Ấp 3	KTN	450	1.500	
4069	70	Trương Bảo Quốc	05/05/90		272043096	Ấp Long Phú, Phước Thái	KTN	450	600	Đã nhận 900 hỗ trợ vé số
4070	71	Trương Quốc Vương	01/01/83		271768895	Ấp Long Phú, Phước Thái	KTN	450	1.500	
4071	72	Trương Văn Cao	01/01/78		271307819	Tổ 1, Hiền Đức	KTN	450	1.500	
4072	73	Trương Văn Dũng	05/15/76		034076003809	Ấp Long Phú	KTN	450	1.500	
4073	74	Võ Quốc Doanh	10/20/75			Ấp 1C	KTN	450	1.500	
4074	75	Vũ Thị Lý		10/20/81	271344376	Hiền Đức	KTN	450	1.500	
4075	76	Vũ Thị Xuân		10/15/72		Hiền Đức	KTN	450	1.500	
4076	77	Vũ Văn Tường	07/05/84		271643342	Ấp 3	KTN	450	1.500	
4077	78	Bùi Thanh Chương	01/01/57		381527917	Tổ 6, ấp 1B, Phước Thái	KTNCT	600	1.500	
4078	79	Bùi Thị Lang Cécile		08/22/46	020385690	Hiền Hòa	KTNCT	600	1.500	
4079	80	Bùi Thị Ngọc Huyền		02/06/57	271637976	Tổ 8, Hiền Hòa, Phước Thái	KTNCT	600	1.500	
4080	81	Công Hiền	03/09/59		k có CMND	Long Phú	KTNCT	600	1.500	
4081	82	Dương Văn Chiêu	01/01/53		272209504	Ấp 1B	KTNCT	600	1.500	
4082	83	Đào Cẩn	08/01/35		272063950	Long Phú	KTNCT	600	1.500	
4083	84	Đặng Cảnh Dĩnh	07/10/51		k có CMND	Long Phú	KTNCT	600	1.500	
4084	85	Đinh Thị Hoa		00/00/1956	160268601	Ấp Hiền Hòa, Phước Thái	KTNCT	600	1.500	
4085	86	Đinh Văn Riện	01/01/41		150214252	Tổ 3, Hiền Hòa, Phước Thái	KTNCT	600	1.500	
4086	87	Đỗ Thị Thu		04/04/56	272592764	Long Phú	KTNCT	600	1.500	
4087	88	Hà Đức Hồ	11/03/45		272063828	Hiền Hòa	KTNCT	600	1.500	
4088	89	Hà Thị Kim Lan		10/09/55	350302350	Tổ 6, Ấp 1A, Phước Thái	KTNCT	600	1.500	
4089	90	Hồ Văn Bửu	00/00/1939			Ấp 1B	KTNCT	600	1.500	
4090	91	Hồ Xuân Vương	12/02/45		285350208	Ấp 1C	KTNCT	600	1.500	
4091	92	Huỳnh Thị Chính		01/01/47	385442078	Ấp 1B	KTNCT	600	1.500	
4092	93	Huỳnh Thị Em		1952	270265260	Ấp 1B	KTNCT	600	600	Đã nhận 900 hỗ trợ vé số

Số TT	TT	Họ Và Tên	Năm sinh		Số CMND/Thẻ căn cước công dân	Địa chỉ, nơi cư trú	Đối tượng BTXH	Kinh phí (nghìn đồng)		Ghi chú
			Nam	Nữ				Trợ cấp xã hội	Hỗ trợ Covid-19	
4093	94	Huỳnh Thị Lùng		01/01/47	272117090	Tổ 4, Ấp 1B	KTNCT	600	1.500	
4094	95	Lê Văn Bảy	11/25/56			492A Tổ 6, ấp 1B, Phước Thái	KTNCT	600	1.500	
4095	96	Lương Thành Gám	00/00/1954		272273986	Ấp 1B	KTNCT	600	1.500	
4096	97	Nguyễn Hữu Thời	04/15/60		271605114	Ấp 1B	KTNCT	600	1.500	
4097	98	Nguyễn Ngọc Vân	10/10/43		270260050	Ấp 1B	KTNCT	600	1.500	
4098	99	Nguyễn Thị Mạnh		01/01/42	272274910	ấp 1B	KTNCT	600	1.500	Đã nhận 900 hỗ trợ vé số
4099	100	Nguyễn Thị Minh		01/01/56		Ấp 1C	KTNCT	600	1.500	
4100	101	Nguyễn Thị Phụng		02/02/56		Ấp 1 B, xã Phước Thái	KTNCT	600	1.500	
4101	102	Nguyễn Văn Đồng	12/13/59		141376715	tổ 22, ấp 1C	KTNCT	600	1.500	
4102	103	Nguyễn Văn Hòa	10/09/37		270174475	Ấp 1B	KTNCT	600	1.500	
4103	104	Nguyễn Văn Lượm	01/01/59		k có CMND	Ấp 3	KTNCT	600	1.500	
4104	105	Phạm Thị Lù		1946		Ấp 1B	KTNCT	600	1.500	
4105	106	Phan Công Dân	09/12/49		270738358	Tổ 4, ấp 1B	KTNCT	600	1.500	
4106	107	Phan Thị Ba		01/01/54		Ấp 1A	KTNCT	600	1.500	
4107	108	Phan Văn Luận	07/20/57		285536973	Tổ 11, Ấp 1B, xã Phước Thái	KTNCT	600	1.500	
4108	109	Thương Văn Gáo	01/01/55		271942048	199/2 Tổ 12, ấp 1B	KTNCT	600	600	Đã nhận 900 hỗ trợ vé số
4109	110	Trần Thị Bé Năm		03/10/54	270260201	230A, tổ 23, ấp 1C	KTNCT	600	1.500	
4110	111	Trần Thị Ghét		04/19/24	271177795	ấp 1B	KTNCT	600	1.500	
4111	112	Trần Thị Lan		00/00/1952		Tổ 18, ấp 1C	KTNCT	600	1.500	
4112	113	Trần Thị Thiện		10/26/52	183306442	Hiền hòa	KTNCT	600	1.500	
4113	114	Trần Thị Vè		01/01/53		Hiền Hòa	KTNCT	600	500	Chết 20/4/2020
4114	115	Trần Văn Chánh	01/25/58		272435802	Tổ 2, ấp 1C	KTNCT	600	1.500	
4115	116	Trần Văn Hợi	01/01/46		272416875	Hiền Hòa	KTNCT	600	1.500	
4116	117	Trần Văn Toàn	01/01/47		150725762	Tổ 8, Hiền Hòa, Phước Thái	KTNCT	600	1.500	
4117	118	Vũ Thị Hiền	01/01/1947		270245836	Ấp Hiền Đức	KTNCT	600	1.500	
4118	119	Vũ Thị Mỹ		01/01/50		Ấp Hiền Hòa	KTNCT	600	1.500	

Số TT	TT	Họ Và Tên	Năm sinh		Số CMND/Thẻ căn cước công dân	Địa chỉ, nơi cư trú	Đối tượng BTXH	Kinh phí (nghìn đồng)		Ghi chú
			Nam	Nữ				Trợ cấp xã hội	Hỗ trợ Covid-19	
4119	120	Đoàn Tiến Thành	11/21/04			Tổ 4, Ấp 3, Phước Thái	KTNTE	600	1.500	
4120	121	Huỳnh Thiên Ân	10/21/07			Ấp 3	KTNTE	600	1.500	
4121	122	Huỳnh Thụy Hồng Ân		06/11/12		Tổ 5, Hiền Đức	KTNTE	600	1.500	
4122	123	Nguyễn Tâm Phúc	12/29/05			464 Tổ 8, Hiền Hòa	KTNTE	600	1.500	
4123	124	Nguyễn Thị Bích Trâm		06/15/13		Ấp 3	KTNTE	600	1.500	
4124	125	Nguyễn Thị Thanh Trang		07/13/07		Ấp 3	KTNTE	600	1.500	
4125	126	Trần Lê Anh Thư		09/07/09		Tổ 4, Long Phú	KTNTE	600	1.500	
4126	127	Trần Văn Đăng Khôi	10/06/12			Hiền Đức	KTDBN	600	1.500	
4127	128	Bùi Đức Minh	05/08/94		k có CMND	Hiền Đức	KTDBN	600	1.500	
4128	129	Bùi Văn Thu	1985		k có CMND	Long Phú	KTDBN	600	1.500	
4129	130	Bùi Viết Hiền	09/14/97		k có CMND	Hiền hòa	KTDBN	600	1.500	
4130	131	Đào Thị Cẩm Tú		02/12/01		Hiền Hòa	KTDBN	600	1.500	
4131	132	Đặng Thị Mỹ Phương		01/01/87	k có CMND	ấp 1C	KTDBN	600	1.500	
4132	133	Đỗ Thị Thê		01/01/67		Ấp Hiền Hòa, Xã Phước Thái	KTDBN	600	1.500	
4133	134	Hoàng Phới Huệ		04/27/92		Long Phú	KTDBN	600	1.500	
4134	135	Hoàng Tuấn	09/01/70			1C	KTDBN	600	1.500	
4135	136	Hoàng Thị Huyền		05/04/93	044193001540	Tổ 2, Ấp 1C	KTDBN	600	1.500	
4136	137	Hồ Thị Anh Thi		12/02/83	271820551	Tổ 5, ấp 1B	KTDBN	600	1.500	
4137	138	Lê Bá Bình	06/01/67		271011534	Tổ 3, ấp Hiền Hòa	KTDBN	600	1.500	
4138	139	Lê Hoàng Minh	11/15/72		271089758	Ấp 1B, Phước Thái	KTDBN	600	600	Đã nhận 900 hỗ trợ vé số
4139	140	Lê Thị Ánh Diễm		10/29/94		Ấp 1B	KTDBN	600	1.500	
4140	141	Mai Thị Ngọc Hiền		07/15/85		ấp 3	KTDBN	600	1.500	
4141	142	Ng. Hoàng Gia Bảo	11/12/02			Hiền hòa	KTDBN	600	1.500	
4142	143	Ng. Thị Hồng Trinh		11/03/92		Ấp 1C	KTDBN	600	1.500	
4143	144	Ng. thi Hồng Hạnh		01/28/92		ấp 1C	KTDBN	600	1.500	
4144	145	Ngô Thị Mỹ Liên		07/26/89	272063437	Ấp 1 C	KTDBN	600	1.500	
4145	146	Nguyễn Đức Hòa	09/27/85			Long Phú	KTDBN	600	1.500	
4146	147	Nguyễn Hà Bảo	05/01/84			Long Phú	KTDBN	600	1.500	
4147	148	Nguyễn Ngọc Quang	01/01/67			425 Tổ 6, ấp 1B	KTDBN	600	1.500	

Số TT	TT	Họ Và Tên	Năm sinh		Số CMND/Thẻ căn cước công dân	Địa chỉ, nơi cư trú	Đối tượng BTXH	Kinh phí (nghìn đồng)		Ghi chú
			Nam	Nữ				Trợ cấp xã hội	Hỗ trợ Covid-19	
4148	149	Nguyễn Thị Kim Triều		03/18/63	270260515	Tổ 1, ấp 1B	KTĐBN	600	1.500	
4149	150	Nguyễn Thị Ngọc Lệ		08/28/66		Ấp 1C	KTĐBN	600	1.500	
4150	151	Nguyễn Thị Phụng		01/01/65	271099306	Hiền Hòa	KTĐBN	600	1.500	
4151	152	Nguyễn Thị Tuyết		06/20/71	272435235	Hiền Hòa, Phước Thái	KTĐBN	600	500	Chết 22/4/2020
4152	153	Nguyễn Thị Thêu		01/01/79	271511128	Long Phú	KTĐBN	600	1.500	
4153	154	Nguyễn Văn Ba	01/01/68		270863997	Long Phú	KTĐBN	600	1.500	
4154	155	Nguyễn Văn Đẹp	00/00/1969			ấp 1B	KTĐBN	600	1.500	
4155	156	Nguyễn Văn Linh	11/23/87		162916222	ấp Long Phú	KTĐBN	600	1.500	
4156	157	Nguyễn Văn Nam	21/1/1997			Long Phú	KTĐBN	600	1.500	
4157	158	Nguyễn Văn Thuận	05/10/73			Hiền Hòa	KTĐBN	600	1.500	
4158	159	Nguyễn Xuân Viện	08/09/87			Ấp 3	KTĐBN	600	1.500	
4159	160	Phạm Thị Thu Hương		10/20/93		Hiền hòa	KTĐBN	600	1.500	
4160	161	Phạm Trác	01/01/71		271345009	Tổ 5, Hiền Hòa	KTĐBN	600	1.500	
4161	162	Phạm Văn Mạnh	09/29/82			1C	KTĐBN	600	1.500	
4162	163	Phạm Văn Mỹ	11/06/83			1C	KTĐBN	600	1.500	
4163	164	Phan Thái Dương	05/30/89			Ấp 1A	KTĐBN	600	1.500	
4164	165	Phan Văn Lý Đáng	00/00/1978			Phước Hòa	KTĐBN	600	1.500	
4165	166	Phùng Thị Lành		07/06/00		Ấp Hiền Đức	KTĐBN	600	1.500	
4166	167	Quách Ngọc Trung	10/16/96		272300523	Tổ 9, Ấp 1C	KTĐBN	600	1.500	
4167	168	Trần Thị Trinh		00/00/1970		Hiền Đức	KTĐBN	600	1.500	
4168	169	Trần Văn Linh	01/05/93		272435522	Tổ 6, ấp Long Phú	KTĐBN	600	1.500	
4169	170	Trần Văn Nghĩa	12/02/97			Long Phú	KTĐBN	600	1.500	
4170	171	Triệu Văn Từ	11/04/91		271466586	Ấp 1C	KTĐBN	600	1.500	
4171	172	Ứng Hoàn Toàn	1991			Ấp 3	KTĐBN	600	500	Chết 30/4/2020
4172	173	Đinh Thị Tuyết		02/02/35	272274249	Tổ 8, Long Phú	KTĐBNCT	750	1.500	
4173	174	Đỗ Huy Hòa	10/21/56			Ấp Hiền Hòa	KTĐBNCT	750	1.500	
4174	175	Lê Đình Từ	01/01/56			Tổ 7, ấp 1B	KTĐBNCT	750	1.500	
4175	176	Lê Văn Mới	01/01/54		270260153	1B	KTĐBNCT	750	1.500	
4176	177	Nguyễn Văn Đạt	05/17/57		2272209830	Long Phú, Phước Thái	KTĐBNCT	750	1.500	
4177	178	Nguyễn Văn Lưu	11/03/58		151592303	Tổ 9, Long Phú	KTĐBNCT	750	1.500	

Số TT	TT	Họ Và Tên	Năm sinh		Số CMND/Thẻ căn cước công dân	Địa chỉ, nơi cư trú	Đối tượng BTXH	Kinh phí (nghìn đồng)		Ghi chú
			Nam	Nữ				Trợ cấp xã hội	Hỗ trợ Covid-19	
4178	179	Phạm Thị Thanh		11/28/48	271099605	Hiện Hòa, Phước Thái	KTDBNCT	750	1.500	
4179	180	Trần Thị Huệ		1959	k có CMND	Hiện Đức	KTDBNCT	750	1.500	
4180	181	Vũ Văn Lương	01/01/40			Long Phú	KTDBNCT	750	1.500	
4181	182	Đào Bùi Bảo Trâm		07/19/11		Tổ 9, Hiện Hòa	KTDBNTE	750	1.500	
4182	183	Đào Thanh Bình	09/28/07			Tổ 1, Hiện Hòa	KTDBNTE	750	1.500	
4183	184	Đào Xuân Mai		10/18/07		Hiện Hòa	KTDBNTE	750	1.500	
4184	185	Đinh Hùng Vương	11/05/07			Hiện Hòa	KTDBNTE	750	1.500	
4185	186	Đoàn Lê Nam Giang	08/19/13			Ấp 1C	KTDBNTE	750	1.500	
4186	187	Đỗ Tường Vy		10/19/07		Tổ 8, ấp Hiện Hòa	KTDBNTE	750	1.500	
4187	188	Huỳnh Bảo Vy		04/03/10		Ấp Long Phú	KTDBNTE	750	1.500	
4188	189	Huỳnh Huy Văn	02/19/12			Tổ 1, Ấp 1C	KTDBNTE	750	1.500	
4189	190	Lê Ngọc Như Quỳnh		10/06/09		Ấp 1C	KTDBNTE	750	1.500	
4190	191	Lê Ngọc Tú Trang		11/21/15		Ấp 1B	KTDBNTE	750	1.500	
4191	192	Ng. Cao Bảo Linh		05/01/09		IC	KTDBNTE	750	1.500	
4192	193	Nguyễn Gia Huy	05/03/09			Xóm Gò	KTDBNTE	750	1.500	
4193	194	Nguyễn Lê Anh Khôi	04/24/08			Ấp 1C	KTDBNTE	750	1.500	
4194	195	Nguyễn Lê Quang Tín	02/04/11			Long Phú	KTDBNTE	750	1.500	
4195	196	Nguyễn Tấn Tài	12/08/13			Ấp 1B	KTDBNTE	750	1.500	
4196	197	Trần Quốc Việt	05/25/05			Long Phú	KTDBNTE	750	1.500	
4197	198	Vũ Đức Minh Trí	08/11/06			ấp 3	KTDBNTE	750	1.500	
4198	199	Bùi Hồ Chấn	05/9/1936			Tổ 7, ấp 1A	CT	300	1.500	
4199	200	Bùi Thị Hai		01/01/36	270273393	Tổ 4, ấp 1B	CT	300	1.500	
4200	201	Bùi Thị Lang		00/00/1931	0	ấp 1B	CT	300	1.500	
4201	202	Bùi Thị Ỗ		01/01/38	270260249	366 Tổ 5, Ấp 1B, Phước Thái	CT	300	1.500	
4202	203	Bùi Thị Tổ		1933	270246207	Ấp 3	CT	300	1.500	
4203	204	Bùi Thị Thoa		01/01/39	272064435	Tổ 5, Ấp 3	CT	300	1.500	
4204	205	Bùi Thị Thục		01/01/28	160172663	ấp 3	CT	300	1.500	
4205	206	Bùi Văn Mười	02/01/38		272115558	Tổ 3, Long Phú, Phước Thái	CT	300	1.500	
4206	207	Bùi Văn Tư	01/01/30		270245677	Hiện Đức	CT	300	1.500	
4207	208	Bùi Văn Thành	06/09/37		270253967	Tổ 6, Ấp 1C	CT	300	1.500	

Số TT	TT	Họ Và Tên	Năm sinh		Số CMND/Thẻ căn cước công dân	Địa chỉ, nơi cư trú	Đối tượng BTXH	Kinh phí (nghìn đồng)		Ghi chú
			Nam	Nữ				Trợ cấp xã hội	Hỗ trợ Covid-19	
4208	209	Cao Thị Hợp		10/30/38		Áp 1C	CT	300	1.500	
4209	210	Cao Thị Hương		02/15/35		159 tổ 23, áp 1C	CT	300	1.500	
4210	211	Cao Thị Ni		06/23/34		Tổ 2, Áp 1C	CT	300	1.500	
4211	212	Cao Thị Yến		01/01/34	270163370	Tổ 5, áp 3	CT	300	1.500	
4212	213	Châu A Long		01/01/39		Tổ 1, Long Phú	CT	300	1.500	
4213	214	Chu Thị Hồng Phương		02/10/37	272522540	Áp Hiền Hòa	CT	300	1.500	
4214	215	Dương Thị Mỹ		01/01/39	180884544	Tổ 2, Áp 1C	CT	300	1.500	
4215	216	Đào Ngọc Sáu	1932		270246459	Áp 1B	CT	300	1.500	
4216	217	Đào Ngọc Trai	01/01/38		27189656	510A Tổ 7, Áp 1B, Phước Thái	CT	300	1.500	
4217	218	Đào Thị Minh		01/01/39		Tổ 23, Áp 1C	CT	300	1.500	
4218	219	Đào Thị Vân		01/01/38	272416883	Long Phú, Phước Thái	CT	300	1.500	
4219	220	Đào Văn Hoạch	03/12/40		272063546	Tổ 21, Áp 1C	CT	300	1.500	
4220	221	Đào Văn Huy	01/01/38		150801432	Long Phú, Phước Thái	CT	300	1.500	
4221	222	Đào Văn Khảo	01/01/38		272063773	Tổ 1, Hiền Hòa, Phước Thái	CT	300	1.500	
4222	223	Đặng Cảnh Liên		01/01/1931	270863014	Tổ 5, Áp Long Phú	CT	300	1.500	
4223	224	Đặng Ngọc Miên	12/30/35		272063231	Áp 1C	CT	300	1.500	
4224	225	Đặng Tâm	00/00/1931		272063206	Áp 1B	CT	300	1.500	
4225	226	Đặng Thị Bé		00/00/1935	272301336	Tổ 23, áp 1C	CT	300	1.500	
4226	227	Đặng Thị Kính		10/03/39	270320108	Áp Long Phú, Phước Thái	CT	300	1.500	
4227	228	Đặng Thị Quang		01/01/40	270246501	Áp 1B, Phước Thái	CT	300	1.500	
4228	229	Đặng Thị Ty		01/01/1937	270259552	Tổ 4, Áp Hiền Hòa	CT	300	1.500	
4229	230	Đặng Thị Trí		01/08/25		Áp 1B	CT	300	1.500	
4230	231	Đinh Thị Lộc		10/15/37	272063922	Tổ 3, Hiền Đức	CT	300	1.500	
4231	232	Đinh Văn Thứ	06/06/36		272063265	Áp 1C	CT	300	1.500	
4232	233	Đoàn Thị Châm		1933	020091336	Áp 1C	CT	300	1.500	
4233	234	Đoàn Thị Tâm		00/00/1935	220305287	Tổ 5, Áp 3	CT	300	1.500	
4234	235	Đỗ Thị Em		01/01/36	270260264	áp 1B	CT	300	1.500	
4235	236	Đỗ Thị Mười		00/00/1925		áp 1C	CT	300	1.500	

Số TT	TT	Họ Và Tên	Năm sinh		Số CMND/Thẻ căn cước công dân	Địa chỉ, nơi cư trú	Đối tượng BHYT	Kinh phí (nghìn đồng)		Ghi chú
			Nam	Nữ				Trợ cấp xã hội	Hỗ trợ Covid-19	
4236	237	Đỗ Thị Phở		1922	200747112		CT	300	1.500	
4237	238	Đỗ Thị Phụng		20/8/1931	200728213	Ấp 1B	CT	300	1.500	
4238	239	Đỗ Thị Tor		03/9/1926		Long Phú	CT	300	1.500	
4239	240	Đỗ Thị Tý		1933		Ấp 3	CT	300	1.500	
4240	241	Hoàng Phà	01/01/34			Ấp Hiền Đức	CT	300	1.500	
4241	242	Hoàng Thị Hiền		1932	272107692	Hiền Hòa	CT	300	1.500	
4242	243	Hoàng Thị Sinh		1932		Ấp 1C	CT	300	1.500	
4243	244	Hoàng Thị Vỹ		01/01/1937	271140717	Ấp Long Phú	CT	300	1.500	
4244	245	Hoàng Văn Nhạ	07/25/39		271699003	Tổ 9, Ấp 1C	CT	300	1.500	
4245	246	Hồ Công Thiện	04/12/36		272064235	Ấp Long Phú	CT	300	1.500	
4246	247	Hồ Thị Huệ		01/01/1937	270260132	Tổ 3, Ấp 1B	CT	300	1.500	
4247	248	Hồ Thị Hương		10/05/37	270254250	Tổ 9, Hiền Hòa	CT	300	1.500	
4248	249	Hồ Thị Tiên		00/00/1935	271099323	Hiền Hòa	CT	300	1.500	
4249	250	Hồ Thị Thiệt		1932	272064156	Long Phú	CT	300	1.500	
4250	251	Huỳnh Kim Lem	06/03/30		271089716	Ấp 1C	CT	300	1.500	
4251	252	Huỳnh Thị Hai		00/00/1935	020867142	Tổ 5, ấp Hiền Hòa	CT	300	1.500	
4252	253	Huỳnh Thị Muôn		01/01/1937	271393792	Tổ 5, Ấp Hiền Hòa	CT	300	1.500	
4253	254	Huỳnh Thị Tuyết Vân		07/07/37	272063322	Ấp 1C	CT	300	1.500	
4254	255	Huỳnh Thị Trung		01/01/38	270260168	Tổ 02, Ấp 1B, Phước Thái	CT	300	1.500	
4255	256	Huỳnh Thị Xuân		09/19/37	272923665	Ấp 1C	CT	300	1.500	
4256	257	Huỳnh Văn Tư	01/01/38		270260179	366 Tổ 5, Ấp 1B, Phước Thái	CT	300	1.500	
4257	258	Huỳnh Văn Thanh	01/01/30		270260625	Ấp 1B	CT	300	1.500	
4258	259	Kiều Thị Chiêu		01/09/40	270250697	Hiền Đức, Phước Thái	CT	300	1.500	
4259	260	Kiều Thị Hoàng		1933	270250324	Hiền Đức	CT	300	1.500	
4260	261	Kiều Thị Hoir		05/02/34	272027874	Tổ 5, ấp 1B	CT	300	1.500	
4261	262	Lâm Khánh	01/01/40		271140850	Tổ 19, Ấp 1C, Phước Thái	CT	300	1.500	
4262	263	Lâm Thị Nhắc		10/20/37	272063304	Tổ 14, Ấp 1C	CT	300	1.500	
4263	264	Lê Đình Kinh	1930		220305022	Ấp 3	CT	300	1.500	
4264	265	Lê Tấn Thành	02/04/35			411 Tổ 6, ấp 1B	CT	300	1.500	

Số TT	TT	Họ Và Tên	Năm sinh		Số CMND/Thẻ căn cước công dân	Địa chỉ, nơi cư trú	Đối tượng BTXH	Kinh phí (nghìn đồng)		Ghi chú
			Nam	Nữ				Trợ cấp xã hội	Hỗ trợ Covid-19	
4265	266	Lê Thanh	01/10/35			Tổ 8, ấp Long Phú	CT	300	1.500	
4266	267	Lê Thị Chính		01/01/33		Tổ 22, ấp 1C	CT	300	1.500	
4267	268	Lê Thị Hiền		00/00/1928		Ấp 1C	CT	300	1.500	
4268	269	Lê Thị Hồng		01/01/39		Tổ 6, Ấp 1B	CT	300	1.500	
4269	270	Lê Thị Huyền		01/01/34	272062994	Tổ 23, ấp 1C	CT	300	1.500	
4270	271	Lê Thị Kiều		01/01/39		Long Phú	CT	300	1.500	
4271	272	Lê Thị Kim		01/01/40	272274642	Ấp 1A, Phước Thái	CT	300	1.500	
4272	273	Lê Thị Kim Lang		09/20/39	270259416	Tổ 5, Ấp 1C, Phước Thái	CT	300	1.500	
4273	274	Lê Thị Mừng		01/01/34	270363233	Tổ 6, Long Phú	CT	300	1.500	
4274	275	Lê Thị Mười		01/01/39		Tổ 21, Ấp 1C	CT	300	1.500	
4275	276	Lê Thị Ngọc Hồng		01/20/36	320049818	402, Tổ 6, Hiền Hòa	CT	300	1.500	
4276	277	Lê Thị Nhạn		1933	272705253	Hiền Hòa	CT	300	1.500	
4277	278	Lê Thị Rết		02/24/35	270254169	Tổ 4, ấp 1B	CT	300	1.500	
4278	279	Lê Thị Thành		01/01/34	261408112	Tổ 6, Ấp 1B	CT	300	1.500	
4279	280	Lê Thị Yên		11/01/37	270260029	Tổ 10, ấp 1B	CT	300	1.500	
4280	281	Lê Văn Y	12/21/39		270601499	Tổ 4, Long Phú	CT	300	1.500	
4281	282	Linh Nhục Mùi		01/01/40	270466278	Hiền Đức, Phước Thái	CT	300	1.500	
4282	283	Lư Thị Phương		02/06/38	271177781	Hiền Hòa	CT	300	1.500	
4283	284	Lương Minh Đường	10/08/38		270245730	Tổ 3, Ấp 3	CT	300	1.500	
4284	285	Lương Ngọc Quyên	1933		272065490	Hiền Hòa	CT	300	1.500	
4285	286	Lưu Phiêu Bình	28/02/1936		271362950	Ấp Long Phú	CT	300	1.500	
4286	287	Lưu Thị Thêu		02/02/40	0365168144	Tổ 21, Ấp 1C	CT	300	1.500	
4287	288	Lý Thị Hoa		01/01/40	271923204	Tổ 23, Ấp 1C, Phước Thái	CT	300	1.500	
4288	289	Mạc Thị Thu		02/04/35		Hiền Hòa	CT	300	1.500	
4289	290	Mai Duy Tuấn	01/01/40		271299341	Tổ 2, Hiền Hòa, Phước Thái	CT	300	1.500	
4290	291	Mai Thị A		01/01/39	271605151	Ấp 1B	CT	300	1.500	
4291	292	Ngô Đình Hương	00/00/1935		270252310	Ấp 1B	CT	300	1.500	